

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI :
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Thị Ngọc Kiều
Mã số sinh viên	: 2254010006
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Kiều
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

3. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh

4. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH1

1.1 Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh1

1.1.1 Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 1

1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 1

1.1.3 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 2

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 2

1.2 Kế toán các khoản doanh thu3

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

a. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 3

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3

c. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán 4

d. Chứng từ sử dụng..... 5

e. Tài khoản sử dụng..... 6

f. Phương pháp hạch toán..... 6

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 8

a. Nội dung các khoản giảm trừ..... 8

b. Chứng từ sử dụng..... 8

c. Tài khoản sử dụng..... 8

d. Phương pháp hạch toán..... 8

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 8

a. Nội dung và điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính..... 8

b. Chứng từ sử dụng..... 9

c. Tài khoản sử dụng..... 9

d. Phương pháp hạch toán..... 10

1.2.4 Kế toán thu nhập khác..... 11

a. Nội dung thu nhập khác 11

b. Chứng từ sử dụng..... 11

c. Tài khoản sử dụng..... 11

d. Phương pháp hạch toán..... 12

1.3 Kế toán các khoản chi phí.....14

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán..... 14

a. Nội dung giá vốn hàng bán.....	14
b. Phương pháp tính giá xuất kho.....	14
c. Chứng từ sử dụng.....	15
d. Tài khoản sử dụng.....	15
e. Phương pháp hạch toán.....	16
1.3.2 Kế toán chi phí tài chính	17
a. Nội dung chi phí tài chính.....	17
b. Chứng từ sử dụng.....	18
c. Tài khoản sử dụng.....	18
d. Phương pháp hạch toán.....	18
1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	19
a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	19
b. Chứng từ sử dụng.....	20
c. Tài khoản sử dụng.....	20
d. Phương pháp hạch toán.....	20
1.3.4 Kế toán chi phí khác	22
a. Nội dung chi phí khác	22
b. Chứng từ sử dụng.....	22
c. Tài khoản sử dụng.....	22
d. Phương pháp hạch toán.....	22
1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
b. Chứng từ sử dụng.....	24
c. Tài khoản sử dụng.....	24
d. Phương pháp hạch toán.....	25
1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
a. Nội dung xác định kết quả kinh doanh	26
b. Tài khoản sử dụng.....	27
c. Phương pháp hạch toán.....	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỞNG GIA THỊNH	28
2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	28

2.1.1 Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	28
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	28
2.1.3 Bộ máy quản lý và kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	29
a. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	29
b. Chức năng của từng bộ phận.....	29
c. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	30
d. Chức năng của từng bộ phận.....	30
2.1.4 Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	30
a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	30
b. Phần mềm kế toán sử dụng	32
2.1.5 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	33
a. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	33
b. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	33
2.2 Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	33
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	33
a. Nội dung doanh thu bán hàng.....	33
b. Chứng từ sử dụng.....	34
c. Tài khoản sử dụng.....	34
d. Sổ sách sử dụng	34
e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh	34
2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	42
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	42
a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính	42

b. Chứng từ sử dụng.....	42
c. Tài khoản sử dụng.....	42
d. Sổ sách sử dụng	42
e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh	42
2.2.4 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	46
a. Nội dung thu nhập khác	46
b. Chứng từ sử dụng.....	46
c. Tài khoản sử dụng.....	46
d. Sổ sách sử dụng	46
2.3 Thực trạng kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	51
2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	51
a. Nội dung giá vốn hàng bán.....	51
b. Chứng từ sử dụng.....	51
c. Tài khoản sử dụng.....	51
d. Sổ sách sử dụng	51
e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh	51
2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	56
a. Nội dung chi phí tài chính.....	56
b. Chứng từ sử dụng.....	56
c. Tài khoản sử dụng.....	56
d. Sổ sách sử dụng	56
e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh	56
2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	60
a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	60
b. Chứng từ sử dụng.....	60
c. Tài khoản sử dụng.....	60
d. Sổ sách sử dụng	60
e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh	60
2.3.4 Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	67

2.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	67
2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh	72
a. Chứng từ sử dụng.....	72
b. Tài khoản sử dụng.....	72
c. Sổ sách sử dụng.....	72
d. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH.....	81
3.1 Đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	81
3.1.1 Ưu điểm.....	81
3.1.2 Nhược điểm.....	82
3.2 Một số ý kiến hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.....	83
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ	TÊN SƠ ĐỒ
Sơ đồ 1.1	Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp
Sơ đồ 1.3	Sơ đồ hạch toán TK 511 DN giao đại lý, ký gửi
Sơ đồ 1.4	Sơ đồ hạch toán TK 511 DN nhận làm đại lý
Sơ đồ 1.5	Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu
Sơ đồ 1.6	Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan
Sơ đồ 1.7	Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính
Sơ đồ 1.8	Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác
Sơ đồ 1.9	Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên
Sơ đồ 1.10	Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính
Sơ đồ 1.11	Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh
Sơ đồ 1.12	Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác
Sơ đồ 1.13	Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Sơ đồ 1.14	Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh
Sơ đồ 2.1	Tổ chức bộ máy quản lý Công ty
Sơ đồ 2.2	Tổ chức bộ máy kế toán
Sơ đồ 2.3	Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty
Sơ đồ 2.4	Sơ đồ luân chuyển chứng từ, sổ sách, báo cáo trên máy

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình	NỘI DUNG HÌNH ẢNH
Hình 2.1	Hóa đơn GTGT số 31
Hình 2.2	Phiếu thu số TM006/10
Hình 2.3	Hóa đơn GTGT số 37
Hình 2.4	Trích sổ chi tiết TK 5111 năm 2025
Hình 2.5	Trích sổ cái TK 511 năm 2025
Hình 2.6	Giấy báo có của ngân hàng
Hình 2.7	Trích sổ chi tiết TK 515 năm 2025
Hình 2.8	Trích sổ cái TK 515 năm 2025
Hình 2.9	Hóa đơn GTGT số 9913
Hình 2.10	Hóa đơn GTGT số 10012
Hình 2.11	Trích sổ chi tiết TK 711 năm 2025
Hình 2.12	Trích sổ cái TK 711 năm 2025
Hình 2.13	Phiếu xuất kho số XH1002/10
Hình 2.14	Phiếu xuất kho số XH1007/10
Hình 2.15	Trích sổ chi tiết TK 632 năm 2025
Hình 2.16	Trích sổ cái TK 632 năm 2025
Hình 2.17	Giấy báo nợ của ngân hàng
Hình 2.18	Trích sổ chi tiết TK 635 năm 2025
Hình 2.19	Trích sổ cái TK 635 năm 2025
Hình 2.20	Bảng chấm công tháng 11 năm 2025
Hình 2.21	Bảng tính lương tháng 11 năm 2025
Hình 2.22	Bảng trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 11 năm 2025
Hình 2.23	Hóa đơn GTGT số 4708080
Hình 2.24	Trích sổ chi tiết TK 6422 năm 2025
Hình 2.25	Trích sổ cái TK 642 năm 2025
Hình 2.26	Tờ khai quyết toán thuế TNDN
Hình 2.27	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Hình 2.28	Trích sổ cái TK 911 năm 2025
Hình 2.29	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
Hình 2.30	Trích sổ nhật ký chung năm 2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	TT	Thông tư
2	BTC	Bộ tài chính
3	KQKD	Kết quả kinh doanh
4	DN	Doanh nghiệp
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	TK	Tài khoản
7	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
8	XK	Xuất khẩu
9	BVMT	Bảo vệ môi trường
10	TSCĐ	Tài sản cố định
11	HTK	Hàng tồn kho
12	SXKD	Sản xuất kinh doanh
13	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
14	BH và CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
15	BHYT	Bảo hiểm y tế
16	BHXH	Bảo hiểm xã hội
17	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp

LỜI CẢM ƠN

Trải qua gần bốn năm học tập tại Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng, cũng như quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh, em đã học tập và tích lũy được những kiến thức, những kinh nghiệm quý báu về ngành học và kiến thức xã hội. Những kiến thức ấy là một hành trang ý nghĩa để em có thể phục vụ cho công việc của bản thân trong tương lai.

Để có một kết quả như hiện tại, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Thầy Cô trong Khoa Kinh Tế Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng, và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của GVHD Cô Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh người đã tận tình theo sát và đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong suốt hơn 2 tháng thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Nhờ sự chỉ dẫn tận tâm của cô, bài khóa luận tốt nghiệp của em đã hoàn thiện đầy đủ và tốt hơn.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến lãnh đạo Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh đã cho em cơ hội được tiếp xúc với thực tiễn và học hỏi được nhiều hơn. Cảm ơn các anh, chị đồng nghiệp của công ty đã chỉ dẫn nhiệt tình và giúp đỡ để em có thể hoàn thành tốt quá trình thực tập tại Công ty.

Sau quá trình thực tập tại Công ty, đây cũng là bước đầu đi vào thực tế nên em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý Thầy Cô và các anh chị trong Công ty để em được cải thiện và nâng cao kiến thức của mình.

Cuối cùng em xin kính chúc quý Thầy Cô luôn dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp cao quý. Và cũng xin chúc các anh chị trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh luôn đạt được nhiều thành công trong sự nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt hiện nay, mục tiêu hàng đầu và quyết định sự tồn tại của mọi doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp phải tối ưu hóa đồng thời hai yếu tố: gia tăng doanh thu và kiểm soát chặt chẽ chi phí bỏ ra. Do đó, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là các yếu tố có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau. Trong đó, doanh thu đóng vai trò là điều kiện tiên quyết, là nguồn bù đắp chi phí và quyết định trực tiếp đến kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, chi phí sản xuất kinh doanh và quy trình kết chuyển để xác định lợi nhuận thuần tại doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh. Số liệu và các chứng từ liên quan được thu thập, phân tích trong năm 2025.

Để thực hiện tốt đề tài về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh, trước hết là phương pháp thu thập dữ liệu thông qua việc tiếp cận các chứng từ gốc, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của đơn vị. Tiếp theo, phương pháp quan sát thực tế được áp dụng để tìm hiểu quy trình luân chuyển chứng từ. Cuối cùng, các phương pháp kế toán chuyên sâu như đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp - cân đối và phương pháp phân tích, so sánh số liệu được sử dụng để làm rõ thực trạng và đưa ra các nhận xét khách quan về tình hình kinh doanh của công ty.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, cùng với những kiến thức đã được trang bị trong quá trình học tập và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh, đề tài mà tôi lựa chọn **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh”** làm khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận thì gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

Chương 3: Một số nhận xét và ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Một số vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Theo Điều 56 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về nguyên tắc kế toán doanh thu cụ thể: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

Các khoản doanh thu bao gồm: Doanh thu BH và CCDV, các khoản giảm trừ doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo Điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về nguyên tắc kế toán chi phí cụ thể: Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

- Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh cụ thể:

+ Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định.

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh và thường là cuối quý, năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí trong kỳ thì doanh nghiệp có kết quả lãi, ngược lại là lỗ.

1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác

định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả kinh doanh. Xác định chính xác KQKD góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

- Vai trò quan trọng nhất của kế toán doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ..., có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà doanh nghiệp mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang ý nghĩa sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

+ Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trạng thái các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

+ Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản nộp thuế theo quy định.

- Kế toán chi phí được sử dụng để giúp các nhà quản lý hiểu được chi phí vận hành của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kế toán chi phí còn giúp cung cấp các thông tin chi tiết để quản lý có thể kiểm soát các hoạt động hiện tại và lập kế hoạch cho tương lai.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

+ Xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

+ Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kỳ.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Lưu chép chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh mỗi đơn vị sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả kinh doanh để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Kế toán các khoản doanh thu

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bán hàng là quá trình chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm từ người bán sang người mua, đồng thời người bán nhận được tiền hoặc quyền thu tiền từ người mua.

Cung cấp dịch vụ là việc thực hiện các công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng nhằm thỏa mãn một nhu cầu cụ thể của khách hàng trong một khoảng thời gian nhất định.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- DN chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

+ DN đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- DN chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

+ DN đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

* Phương thức bán hàng tại DN

Bán buôn hàng hóa là hình thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các DN sản xuất, thường được bán theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Trong bán buôn thường bao gồm hai hình thức:

- Bán buôn hàng hóa qua kho là hàng hóa được mua vào và dự trữ trong kho sau đó xuất ra bán. Bán buôn hàng hóa qua kho có thể thực hiện hai hình thức:

+ Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: DN xuất kho hàng hóa và giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

+ Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức chuyển hàng: Căn cứ vào hợp đồng hoặc theo đơn đặt hàng, DN xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng.

- Bán buôn hàng hóa không qua kho là hình thức DN mua hàng hóa để bán ngay mà không qua nhập kho. Bán buôn không qua kho có thể thực hiện hai hình thức:

+ Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: DN sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác nhận là tiêu thụ.

+ Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức chuyển hàng: DN sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm được thỏa thuận. Hàng hóa chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của DN. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì mới được xác định là tiêu thụ.

- Bán lẻ là việc mua sản phẩm từ các nhà sản xuất, nhà bán buôn hoặc công ty bán bán lẻ lớn và bán lại cho người tiêu dùng cuối cùng. Bán lẻ thường áp dụng các phương thức sau:

- + Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nghiệp vụ bán hàng hoàn thành trực diện với khách hàng. Khách hàng thanh toán tiền, người bán giao hàng cho khách hàng.
- + Bán hàng thu tiền tập trung: Khách hàng đưa tiền cho người thu tiền và nhận hóa đơn để nhận hàng tại quầy giao hàng do một nhân viên bán hàng khác đảm nhận.
- + Bán hàng theo hình thức khách hàng tự chọn: Người mua tự chọn hàng rồi mang đến bộ phận thu ngân thanh toán. Bộ phận thu ngân tính và thu tiền.
- + Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: DN bán hàng chỉ thu một phần tiền hàng của khách hàng, phần còn lại khách hàng sẽ trả dần và phải chịu số tiền lãi nhất định.
- + Bán hàng theo phương thức đại lý: DN bán ký hợp đồng với cơ sở đại lý, giao hàng cho các cơ sở này bán và trả hoa hồng bán hàng cho họ.

* Phương thức thanh toán tại DN

- Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được thực hiện ngay khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa. Việc thực hiện thanh toán trực tiếp có thể bằng tiền mặt hoặc có thể bằng hàng hóa. Đối với những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay, những khách hàng mua hàng với số lượng ít, không thường xuyên hoặc khách mới.

+ Phương thức thanh toán trả chậm: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao sau một khoản thời gian so với thời điểm chuyển quyền sở hữu về hàng hóa, do đó hình thành khoản công nợ phải thu khách hàng. Nợ phải thu cần được hạch toán quản lý chi tiết về đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán, ở hình thức này sự vận động của hàng hóa và tiền tệ có khoảng cách về không gian và thời gian.

+ Phương thức thanh toán trả trước: Là phương thức thanh toán mà quyền sở hữu về tiền tệ sẽ được chuyển giao trước thời điểm nhận hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng cho những khách hàng có nhu cầu đặt mua một lúc với số lượng lớn mà công ty không thể đáp ứng được.

- Hình thức thanh toán:

+ Thanh toán bằng tiền mặt: Việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Người mua có thể thanh toán qua cách thanh toán ủy nhiệm chi, các tài sản tương đương khác.

d. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng; hóa đơn GTGT; biên bản giao nhận hàng hóa; hợp đồng mua bán; phiếu thu; giấy báo có; phiếu xuất kho.

e. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu BH và CCDV của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo quy định tại Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC - Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

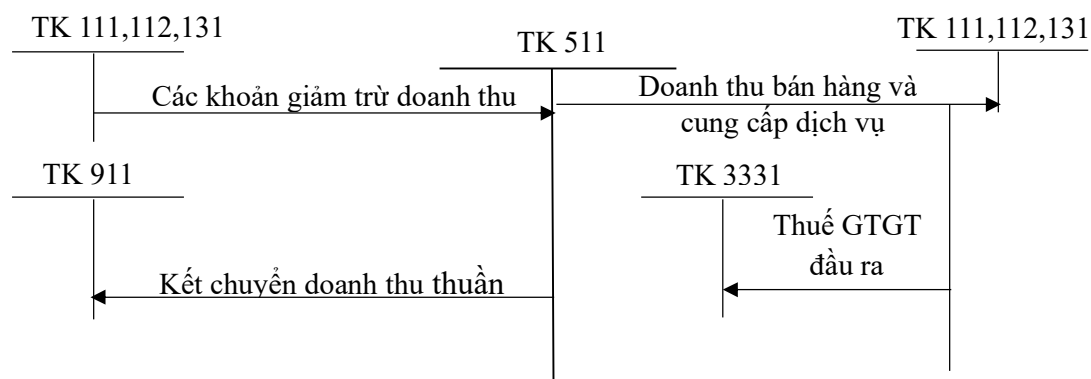
Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 511	CÓ
- Các khoản thuế gián thu phải nộp: (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Các khoản giảm trừ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	×	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

f. Phương pháp hạch toán

Bán hàng theo phương thức bán buôn và bán lẻ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu của DN bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

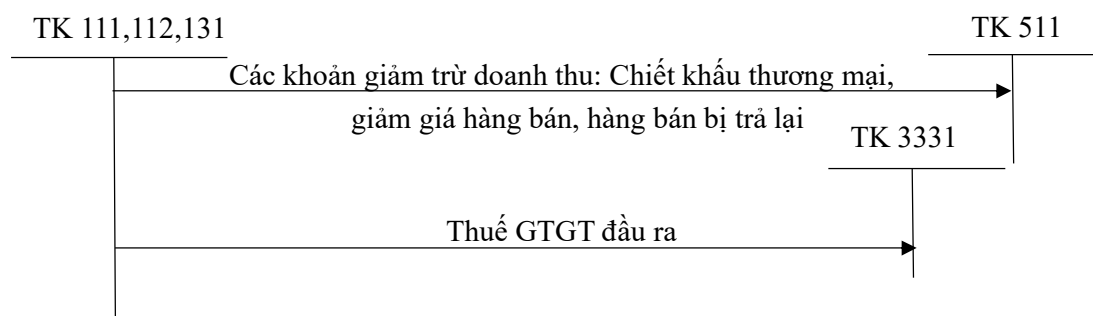
b. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại, hóa đơn GTGT,...
- Giảm giá hàng bán: Hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT, phiếu giảm giá,...
- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn GTGT, biên bản giảm giá hàng bán,...

c. Tài khoản sử dụng

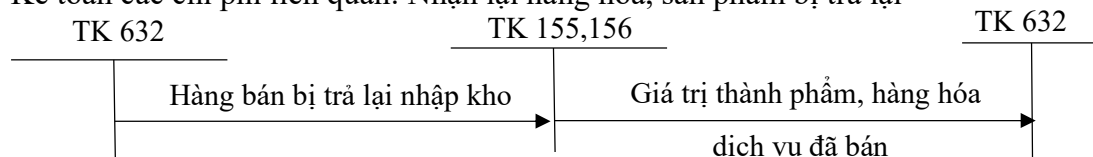
Theo Thông tư 133/2016TT-BTC: Chế độ kế toán DN vừa và nhỏ có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi vào bên Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại hàng hóa, sản phẩm bị trả lại



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung và điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

* Nội dung: Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của DN, cụ thể gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ; Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

* Điều kiện: Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu; giấy báo có; sổ phụ ngân hàng; sao kê ngân hàng.

c. Tài khoản sử dụng

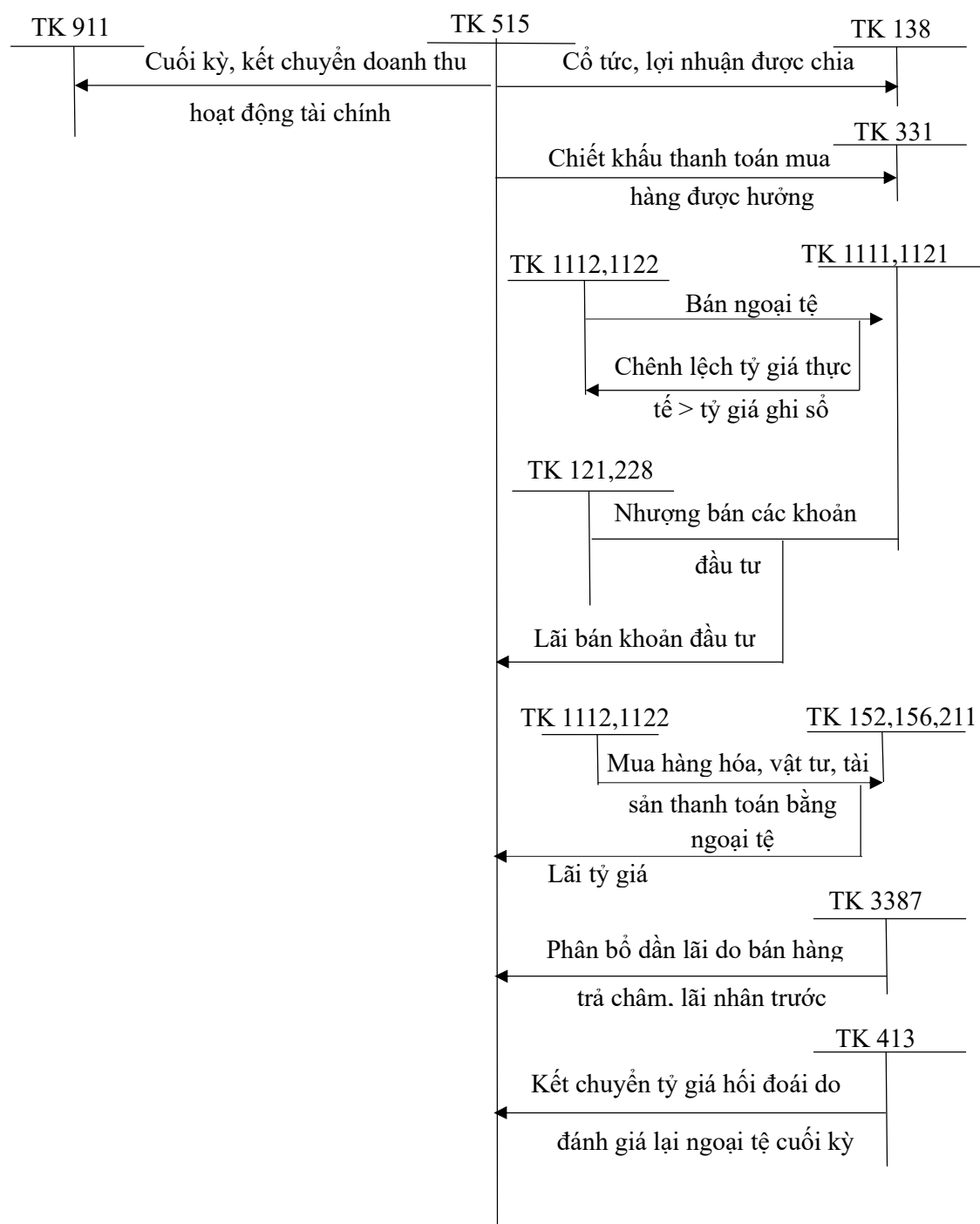
TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh.	×	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung thu nhập khác

Khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT; phiếu thu; giấy báo có; biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

c. Tài khoản sử dụng

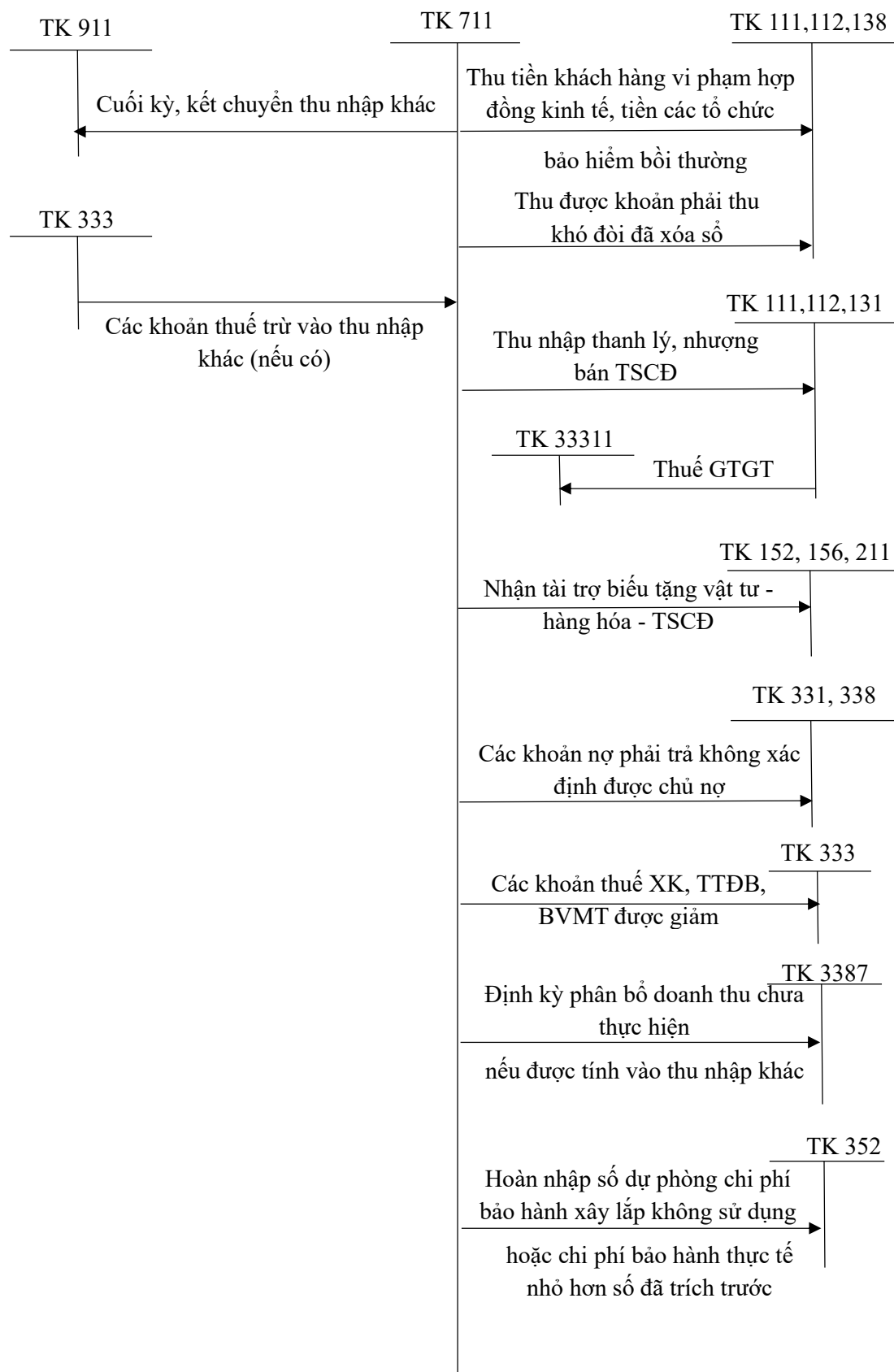
Tài khoản 711 - Thu nhập khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 711	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
	✕	

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.3 Kế toán các khoản chi phí

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ đã được bán ra trong kỳ. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. Khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

b. Phương pháp tính giá xuất kho

Theo Điều 22 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về phương pháp tính giá xuất kho, bao gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

+ Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Tùy thuộc vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại DN mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ): Phương pháp này đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho căn cứ trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của DN áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Công thức:

$$\text{Đơn giá xuất kho trong kỳ bình quân 1 sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập kho nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (còn được gọi là bình quân thời điểm) giá xuất kho hàng hóa được tính sau từng lô nhập về.

Công thức:

$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } n = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho trước lần xuất thứ } n}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa còn tồn trước lần xuất thứ } n}$
--

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Ngoài ra, một số đơn vị có đặc thù (Ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo **Phương pháp bán lẻ**. Theo phương pháp này, giá trị xuất kho của hàng hóa được xác định căn cứ vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên (do doanh nghiệp tự xác định) theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ phần trăm này có tính việc các mặt hàng có thể bị hạ giá xuống thấp hơn giá ban đầu. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

c. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho; bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

d. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

Kết cấu tài khoản

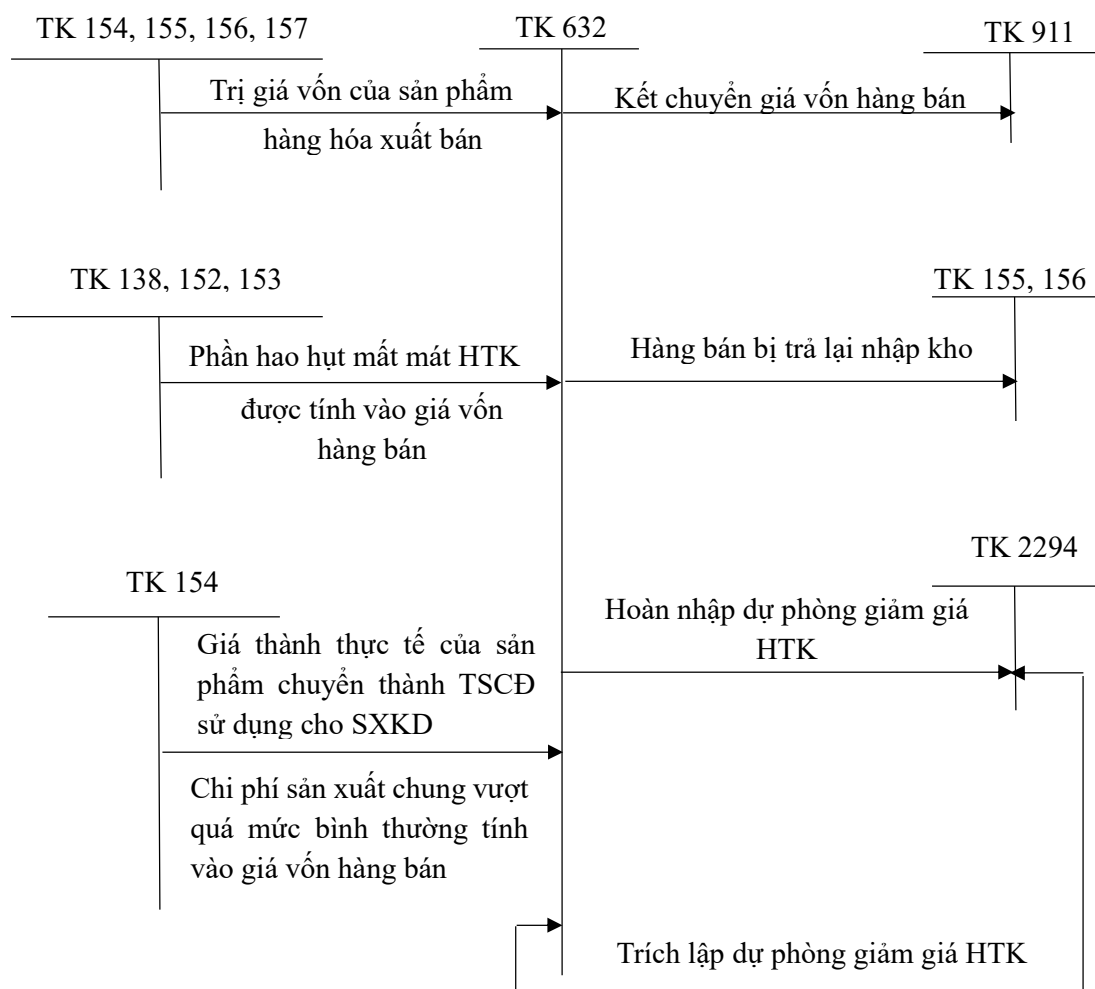
Đối với DN hạch toán phương pháp kê khai thường xuyên

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế NK, TTĐB, BVMT đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
---	--

X

Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

e. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2 Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung chi phí tài chính

Chi phí tài chính là tất cả các loại chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng, sổ phụ ngân hàng; phiếu chi; ủy nhiệm chi; bảng tính lãi vay.

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”: Tài khoản này phản ánh khoản chi phí tài chính của doanh nghiệp.

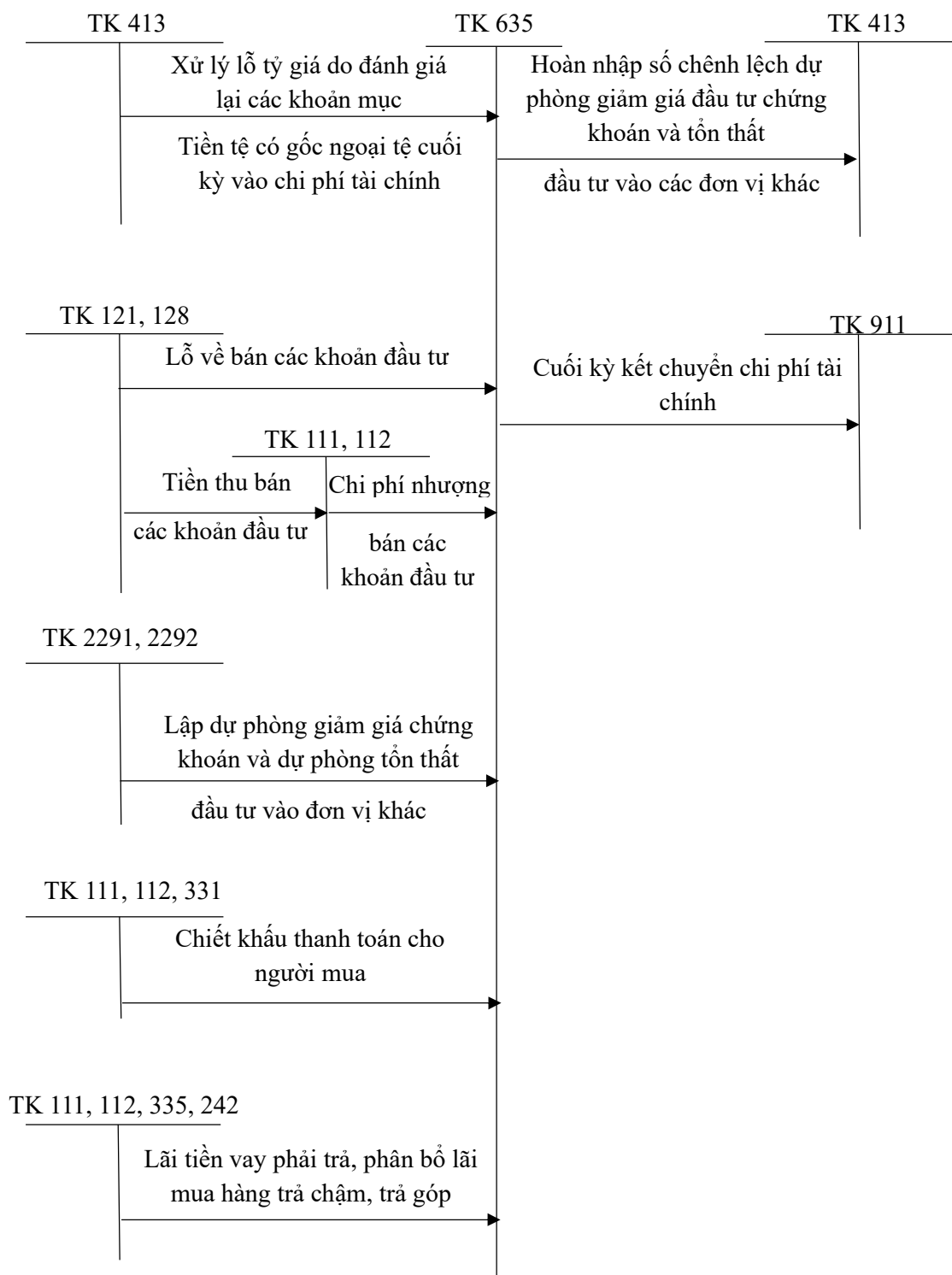
Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 635	CÓ
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



Tài khoản 635: Không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng; phiếu chi; giấy báo nợ; bảng tính lương và thanh toán lương; bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội.

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”. Bao gồm:

+ **TK 6421 – “Chi phí bán hàng”**: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của DN và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

+ **TK 6422 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**: Phản ánh chi phí quản lý chung của DN phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý DN sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

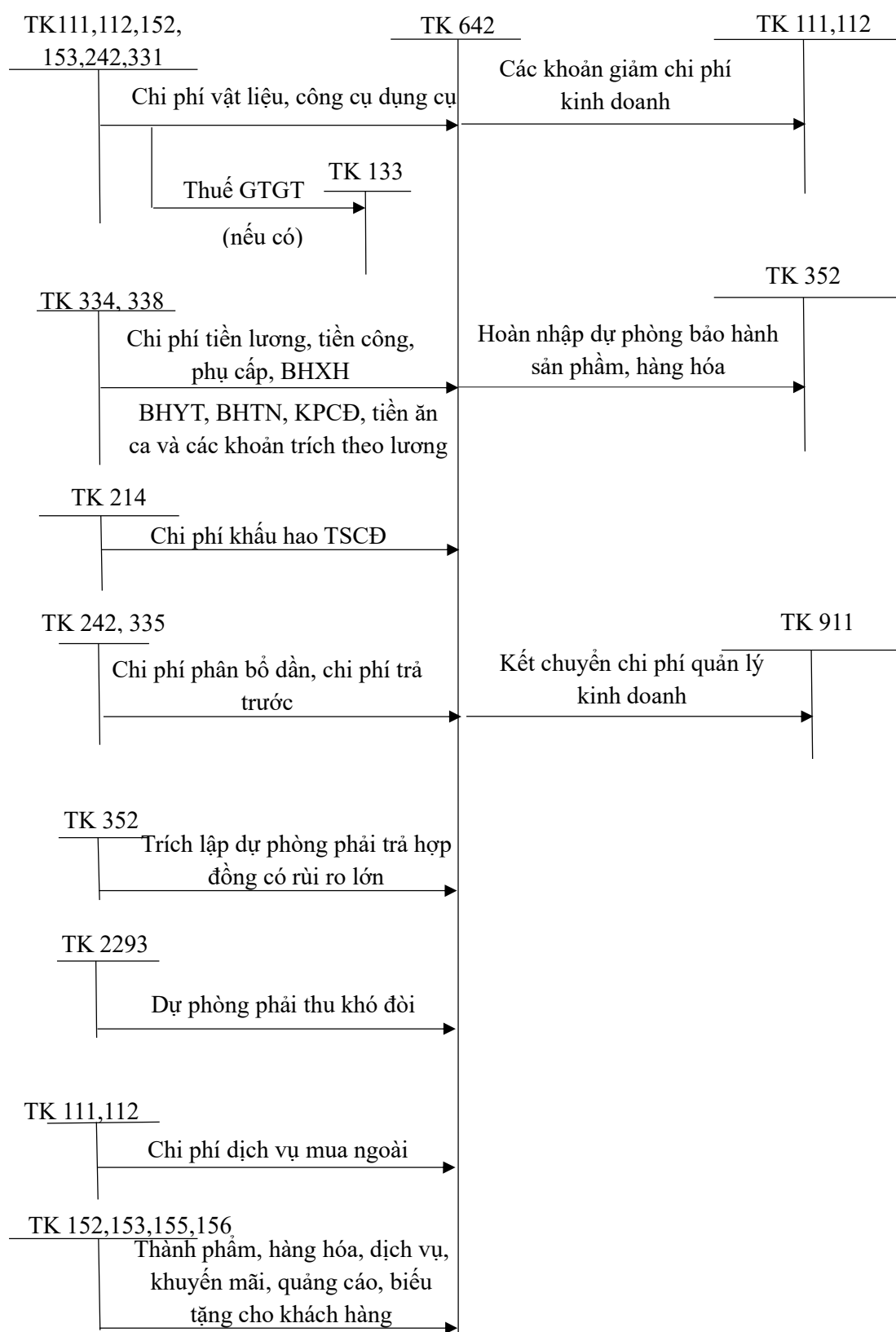
Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 642	CÓ
- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.	
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	
	- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	



Tài khoản 642: Không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4 Kế toán chi phí khác

a. Nội dung chi phí khác

Chi phí khác là những chi phí phát sinh ở các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- + Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- + Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.

b. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý TSCĐ; biên bản vi phạm hợp đồng; phiếu chi; giấy báo nợ; biên lai nộp thuế, nộp phạt.

c. Tài khoản sử dụng

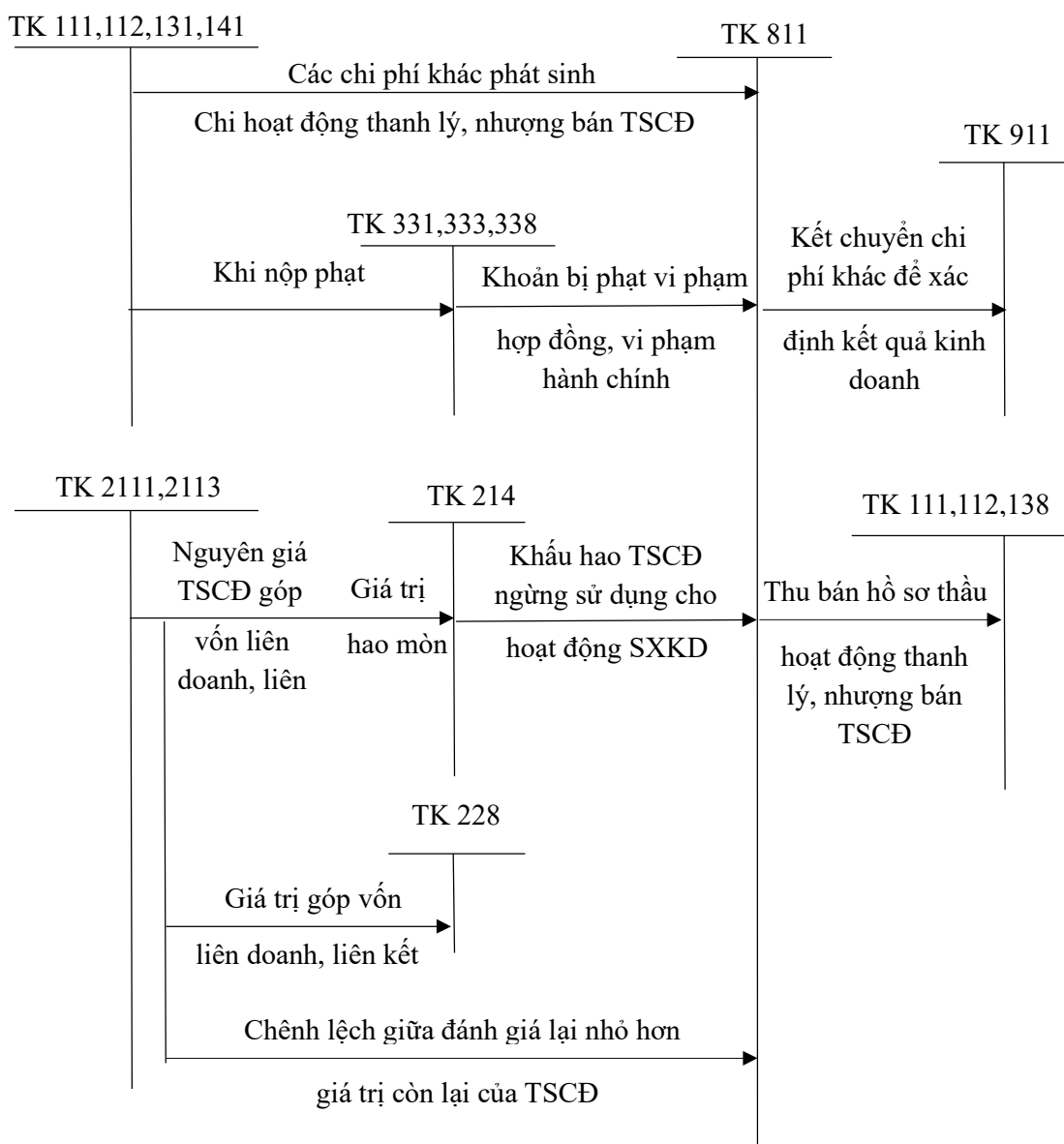
Tài khoản 811 - “Chi phí khác”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 811	CÓ
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
	✕	

Tài khoản 811: Không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ vào Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, số 67/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 về cách tính thuế TNDN:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KHCN (nếu có)} \right] \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế TNDN} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ trong kỳ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

b. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả HĐKD theo mẫu 03-1A/TNDN
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

c. Tài khoản sử dụng

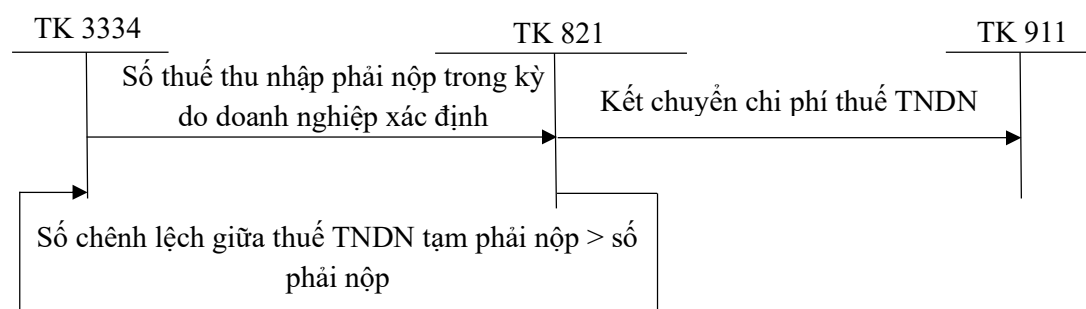
Để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 821	CÓ
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	
	✕	

Tài khoản 821: Không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của DN xác định theo công thức sau:

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
----------------------------------	---	-------------------------	---	---------------------------------

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán
--------------------------------	---	----------------------------------	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
-------------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------------------------	---	-------------------------	---	----------------------------------

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	----------------------------	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

b. Tài khoản sử dụng

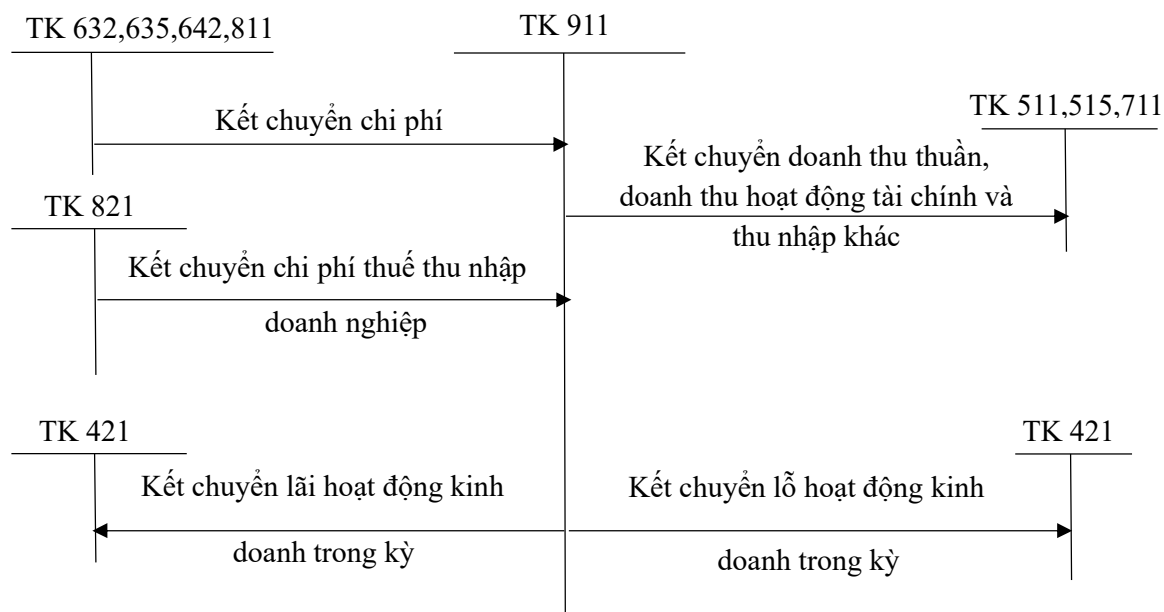
Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của DN trong một kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 911	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911: Không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

2.1.1 Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

- Tên : Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.

- Logo:



- Giám đốc : Trương Hữu Trung.
- Mã số thuế : 0401846939.
- Địa chỉ trụ sở : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Email : tgtcompanydn@gmail.com.
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà Nước.
- Tình hình hoạt động : Đang hoạt động.
- Vốn điều lệ : 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng.)
- Ngành nghề kinh doanh :
 - + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng nhưng chủ yếu là bán sơn và bột sơn.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

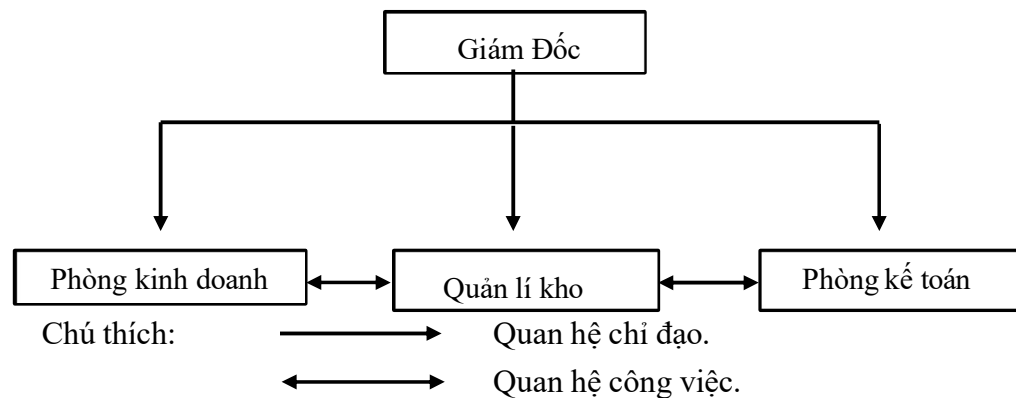
- Được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2017 và thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 01 năm 2020.

- **Tầm nhìn:** Tạo dựng một thương hiệu uy tín, được tin cậy và yêu thích bởi khách hàng và đối tác trên toàn quốc, nhờ vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ xuất sắc. Và phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp sơn và bột sơn tại thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế.

- **Sứ mệnh:** Cung cấp cho thị trường những sản phẩm sơn và bột sơn có chất lượng cao, giúp nâng cao giá trị thẩm mỹ, độ bền và bảo vệ công trình. Bên cạnh đó cũng xây dựng lòng tin với khách hàng qua chất lượng sản phẩm, dịch vụ tận tâm và sự chuyên nghiệp trong từng khâu của quy trình.

2.1.3 Bộ máy quản lý và kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý Công ty

b. Chức năng của từng bộ phận

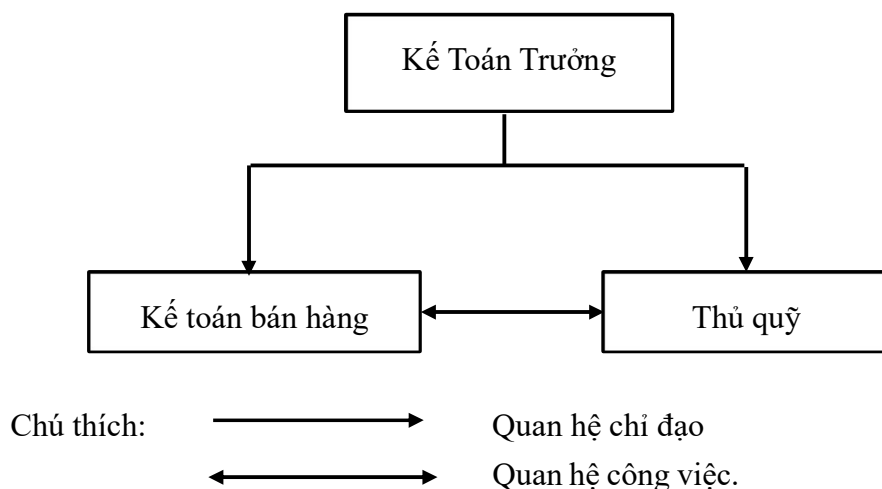
- **Giám đốc:** Là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành, định hình văn hóa của công ty đồng thời đưa ra các quyết định chiến lược quan trọng về việc phát triển và hoạt động của công ty.

- **Phòng kinh doanh:** Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh. Tìm kiếm thị trường, duy trì quan hệ khách hàng và thúc đẩy doanh số bán hàng. Thực hiện các hoạt động bán hàng, giới thiệu sản phẩm đến khách hàng, hỗ trợ các công việc liên quan đến tiêu thụ hàng hóa và tiếp nhận đơn đặt hàng từ khách hàng.

- **Quản lý kho:** Kiểm soát lượng hàng nhập – xuất - tồn kho để tránh thất thoát và luôn đảm bảo hàng là sẵn có, bảo quản hàng hóa đúng tiêu chuẩn kỹ thuật để đảm bảo chất lượng, đảm bảo thời gian giao nhận hàng.

- **Phòng kế toán:** Quản lý dòng tiền, theo dõi công nợ khách hàng/nhà cung cấp, thực hiện thanh toán lương cho nhân viên, báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Đảm bảo Công ty tuân thủ luật về thuế.

c. Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy Kế Toán

d. Chức năng của từng bộ phận

- **Kế toán trưởng:** Điều hành, tổ chức và giám sát toàn bộ hệ thống kế toán và tài chính của Công ty. Giám sát quyết toán dòng tiền cuối năm và tổ chức kiểm kê tài sản. Kiểm tra tính phê duyệt các chứng từ thu – chi, báo cáo tài chính, báo cáo thuế và tham mưu cho Giám đốc về các quyết định kinh doanh và đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật về thuế. Tổng hợp số liệu từ các phân hành để tạo nên bức tranh tình hình tài chính chung của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, chính xác và khớp đúng giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp. Thực hiện bút toán kết chuyển, phân bổ và trích khấu hao cuối kỳ. Lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và báo cáo thuế.

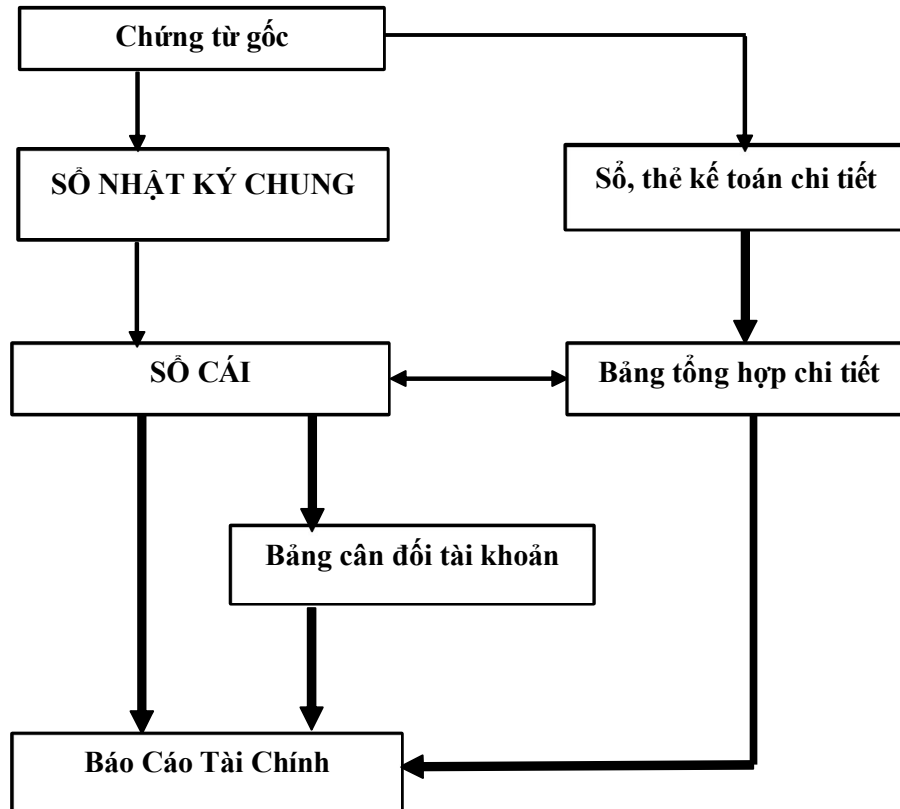
- **Kế toán bán hàng(kiểm mua hàng):** Theo dõi đơn hàng nhập – xuất, kiểm tra và hóa đơn đầu vào, xuất hóa đơn đầu ra, ghi nhận doanh thu, giá vốn. Theo dõi tình hình nhập - xuất, lập phiếu nhập – xuất kho, báo cáo tồn kho, đối chiếu số liệu để đảm bảo cung ứng nguồn hàng kịp thời. Quản lý, theo dõi tiền gửi ngân hàng, công nợ khách hàng, nhà cung cấp. Chủ động lập kế hoạch chi trả, đối chiếu công nợ định kỳ và xử lý các nghiệp vụ thanh toán phát sinh trong kỳ. Tổng hợp bảng lương theo dữ liệu, chi trả tiền lương và hạch toán các khoản trích theo lương.

- **Thủ quỹ:** Phụ trách việc quản lý tiền của công ty. Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi hợp lệ đề xuất quỹ hoặc nhập quỹ.

2.1.4 Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán sử dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

- Hình thức kế toán áp dụng: Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức Nhật ký chung và sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà Accounting.
- Hình thức này gồm sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Sổ tổng hợp gồm sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản.



Chú thích:

—————→	Ghi hằng ngày.
—————→	Ghi cuối kỳ.
↔	Đối chiếu , kiểm tra.

Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

- Mô tả quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

+ **Công việc hằng ngày:** Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được kiểm tra và xác định là Chứng từ gốc.

Ghi tổng hợp: Căn cứ chứng từ gốc để ghi vào sổ **Nhật ký chung**.

Ghi chi tiết: Đồng thời, ghi vào các **Sổ, thẻ kế toán chi tiết** liên quan.

Hằng ngày: Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung để ghi vào **Sổ Cái**.

+ Công việc cuối kỳ:

Tổng hợp số liệu chi tiết: Cộng số liệu trên các **Sổ, thẻ kế toán chi tiết** để lập **Bảng tổng hợp chi tiết**.

Kết chuyển và khóa sổ: Hoàn tất ghi chép vào **Sổ Cái** và lập **Bảng cân đối tài**

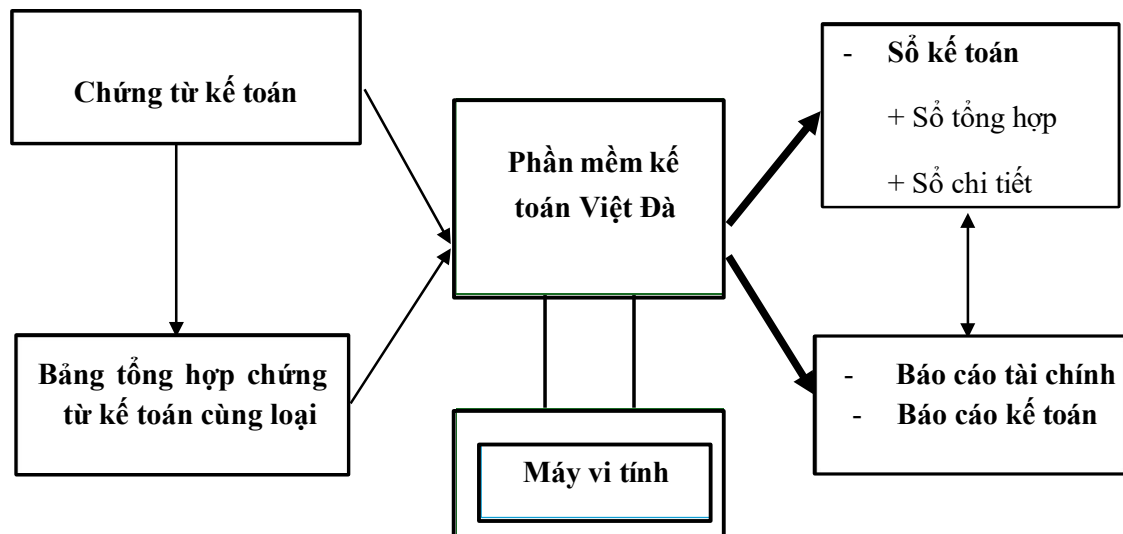
khoản.

Đối chiếu, kiểm tra: Đối chiếu số liệu giữa **Sổ Cái** và **Bảng tổng hợp chi tiết**.

+ **Lập báo cáo:** Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu số liệu khớp đúng, kế toán căn cứ vào số liệu từ: Sổ cái, Bảng cân đối tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết... để lập các **Báo cáo tài chính**.

b. Phần mềm kế toán sử dụng

- Phần mềm kế toán công ty sử dụng là phần mềm Việt Đà như sau:



Chú thích:

- > Nhập số liệu hằng ngày.
- > In sổ sách, báo cáo cuối quý.
- > Đối chiếu, kiểm tra.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ luân chuyển chứng từ, sổ sách, báo cáo trên kế toán máy

- Để đáp ứng tốt cho việc cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, công ty đã sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà Accounting trong công tác kế toán. Nhờ những thông tin năng ưu việt của phần mềm này: Giao diện thân thiện dễ sử dụng, ít xảy ra sai sót bất thường nên kế toán yên tâm hơn. Công việc kế toán cũng được giảm nhẹ hơn rất nhiều so với hình thức kế toán thủ công.

Đăng nhập chương trình (Login), Giao diện phần mềm Việt Đà (PHỤ LỤC 1)

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra (như hóa đơn, hợp đồng,...) được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm máy tính.

- Các nghiệp vụ được nhập theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.5 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC, ngày 26/08/2016 do Bộ Tài Chính ban hành.

b. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

- Niên độ kế toán: Ngày bắt đầu là 01/01 và ngày kết thúc là 31/12 hàng năm (theo năm dương lịch).

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm.

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam đồng (VND).

- Phương pháp khấu hao: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.2 Thực trạng kế toán các khoản doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung doanh thu bán hàng

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh chuyên cung cấp sỉ vật tư xây dựng chất lượng cao cho các công trình và nhà thầu, đặc biệt là về các dòng bột trét và sơn chống thấm Jotun chính hãng.

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/ chuyển khoản.

- Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng tại Công ty được xác định theo quy định tại Thông tư 133/2016/TT- BTC. Doanh thu chỉ được ghi nhận khi Công ty đã thu được tiền hoặc có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu hồi tiền thông qua các chứng từ có giá trị pháp lý như: Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của khách hàng và Hóa đơn giá trị gia tăng được lập tại thời điểm chuyển giao hàng hóa.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản cấp 1: Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản cấp 2: Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK 5111.
- Sổ cái TK 511.

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Bán hàng và khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

- Ngày 08/10/2025: Sau khi Công ty cổ phần xây dựng và thiết bị năng lượng Phú Ninh xác nhận mua và đặt hàng, phòng kinh doanh tiếp nhận đơn hàng và liên lạc với Quản lý kho có đủ để đáp ứng kịp thời. Xác nhận đủ hàng thì phòng kinh doanh lập biên bản giao nhận hàng hóa ([PHỤ LỤC 2](#)) và báo cho phòng kế toán về mặt hàng, số lượng hàng hóa để lập phiếu xuất kho số XH1002/10 và đưa phiếu xuất kho này đến phòng quản lý kho để tiến hành xuất hàng hóa.

- Dựa vào biên bản giao nhận hàng hóa và phiếu xuất kho số XH1002/10, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 31 và gửi cho Công ty cổ phần xây dựng và thiết bị năng lượng Phú Ninh. Công ty thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu thu số TM006/10.

Lưu ý: Hình ảnh chỉ minh họa giao diện phần mềm xuất hóa đơn số 31. ([PHỤ LỤC 3](#))

Mã cơ quan thuế: M1-25-9J5E4-00002524911



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 08 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): 1C25MGT
Số (No.): 31

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

Mã số thuế (Tax code): 0401846939

Địa chỉ (Address): K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0901975773

Số tài khoản (A/C No): 113002690473 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname): Đoàn Ngọc Thọ

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHÚ NINH

Địa chỉ (Address): Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 4001216915

Căn cước công dân (Citizen ID):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Son Jotaplast Base A 4.5L	Thùng	5	233.000	1.165.000
2	Son Waterguard xám đậm 5511 20Kg	Thùng	1	2.105.000	2.105.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					3.270.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					261.600
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					3.531.600

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG
GIA THỊNH

Ngày ký: 08 / 10 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuuyin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1L7P0JTVHXGC
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.1: Hóa đơn GTGT số 31

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm theo thao tác: Vào phân hệ “Nhập xuất” => “Hoá đơn bán hàng và phiếu xuất kho” => “Xuất bán hàng” để nhập dữ liệu vào phần mềm(PHỤ LỤC 4)

Phần mềm sẽ cập nhật vào phiếu thu, kế toán nhấn “Thu tiền” phiếu thu được kết xuất như sau:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng		Mẫu số 01-TT <i>(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)</i>	
PHIẾU THU <i>Ngày 08 tháng 10 năm 2025</i>		Số : TM006/10 Số: 1.1.1.1: 3.531.600 Số: 5.1.1.1: 3.270.000; 3.331.1.251.600	
Họ, tên người nộp tiền	: Đoàn Ngọc Thọ		
Địa chỉ	: Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		
Lý do	: Thu tiền Xuất bán sơn - HĐ: 31 (HĐ 31 08/10/2025)		
Số tiền	: 3.531.600 đồng Kèm theo: chứng từ gốc.		
Viết bằng chữ	: Ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm đồng y.		
Ngày 08 tháng 10 năm 2025			
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>
Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>			
Trương Hữu Trung Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm đồng y.			
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) : + Số tiền quy đổi : <i>(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)</i>			

Hình 2.2: Phiếu thu số TM006/10

Nhiệm vụ 2: Bán hàng chưa thu tiền khách hàng

- Ngày 11/10/2025: Sau khi Công ty TNHH xây dựng mỹ thuật Cường Hoa xác nhận mua và đặt hàng, phòng kinh doanh tiếp nhận đơn hàng và liên lạc với Quản lý kho có đủ để đáp ứng kịp thời. Xác nhận đủ hàng thì phòng kinh doanh lập biên bản giao nhận hàng hoá (tương tự nghiệp vụ 1) và báo cho phòng kế toán về mặt hàng, số lượng hàng hóa để lập phiếu xuất kho số XH1007/10 và đưa phiếu xuất kho này đến phòng quản lý kho để tiến hành xuất hàng hóa.

- Dựa vào biên bản giao nhận hàng hoá và phiếu xuất kho số XH1007/10, kế toán tiến hành lập hoá đơn GTGT số 37 và gửi cho Công ty TNHH xây dựng mỹ thuật Cường Hoa. Công ty bán hàng và ghi nhận công nợ phải thu, sau đó khách hàng thanh toán qua chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo giấy báo có.

Lưu ý : Hình ảnh chỉ minh họa giao diện phần mềm xuất hóa đơn số 37 ([PHỤ LỤC 5](#))

Mã cơ quan thuế: M1-25-9J5E4-00002528907



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 11 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): 1C25MGT
Số (No.): 37

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH
Mã số thuế (Tax code): 0401846939
Địa chỉ (Address): K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0901975773
Số tài khoản (A/C No): 113002690473 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CUỒNG HOA
Địa chỉ (Address): Số 565 Đường 29 tháng 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 0401961995
Căn cước công dân (Citizen ID):
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản **Số tài khoản (A/C No):**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Sơn Tough shield base A 4.5L	Thùng	200	388.000	77.600.000
2	Sơn tough shield max base A 4.5L	Thùng	20	759.000	15.180.000
3	Sơn Waterguard xám đậm 5511 6Kg	Thùng	16	682.000	10.912.000
4	Sơn Waterguard xám nhạt 8563 20Kg	Thùng	20	2.136.000	42.720.000
5	Tough shield base A 16.2L	Thùng	40	1.262.000	50.480.000
6	Tough shield max base A 16.2L	Thùng	15	1.603.000	24.045.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					220.937.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.674.960
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					238.611.960

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm ba mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG
GIA THỊNH

Ngày ký: 11 / 10 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoaddon.com> Mã số tra cứu: 2EU1Y1694P2G
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 37

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm theo thao tác: Vào phân hệ “Nhập xuất” => “Hoá đơn bán hàng và phiếu xuất kho” => “Xuất bán hàng” để

nhập dữ liệu vào phần mềm ([PHỤ LỤC 6](#))

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 5111, sổ cái TK 511.

❖ **Thao tác xem “Sổ nhật ký chung”**

Vào phân hệ “Tổng hợp” => “Hình thức nhật ký chung” => “Nhật ký chung”, chọn năm 2025, chọn “xem” để xem ([PHỤ LỤC 7](#))

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

❖ **Thao tác xem “Sổ chi tiết tài khoản”.**

Vào phân hệ “Tổng hợp” -> “Sổ chi tiết tài khoản”, chọn năm 2025, chọn tài khoản cần xem, chọn “xem” để xem ([PHỤ LỤC 8](#))

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 5111

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH**

Mẫu số S19-DNN

**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê,
Thành phố Đà Nẵng**

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 5111 (Doanh thu bán hàng hoá)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
56	TM006/10	08/10	Thu tiền Xuất bán sơn - HĐ: 31 (HĐ 31 08/10/2025) (Đoàn Ngọc Thọ)	1111		3.270.000		51.307.500
57	TM007/10	09/10	Thu tiền Xuất bán sơn - HĐ: 32- Đức Thọ (HĐ 32 09/10/2025) (Đoàn Ngọc Thọ)	1111		4.210.000		55.517.500
58	XH1003/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 33- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		350.997.000		406.514.500

59	XH1004/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 34- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		293.653.000		700.167.500
60	XH1005/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 35- Thiên Nhung (CÔNG TY TNHH MTV TMDV THIÊN NHUNG)	131		6.822.000		706.989.500
61	XH1006/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 36- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		274.025.000		981.014.500
62	XH1007/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 37- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		220.937.000		1.201.951.500
...	...	..	...	...	...	...	...	...
77	XH1007/12	26/12	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 50 (CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KIẾN AN PHÚC)	131		7.407.407		1.996.989.148
78	KC002/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	1.996.989.148			
Cộng phát sinh tháng 12						1.996.989.148	1.996.989.148	
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4						3.345.920.941	3.345.920.941	
Cộng lũy kế từ đầu năm						5.847.826.764	5.847.826.764	
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.4: Trích sổ chi tiết TK 5111 năm 2025

❖ **Thao tác xem “Sổ cái”**

Vào phân hệ “Tổng hợp” -> “Hình thức Nhật ký chung” -> “Sổ cái” (Theo hình thức nhật ký chung), chọn năm 2025, chọn tài khoản cần xem, chọn “xem” để xem ([PHU LỤC 9](#))

Dưới đây là trích yếu tổ sổ cái tài khoản 511

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà
Nẵng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	10/01	Xuất bán sơn, bột - hđ: 1 - Phú Mỹ (CÔNG TY CỔ PHẦN TAHHSIN PHÚ MỸ)	131		200.237.400
2	XH1002/01	14/01	Xuất bán sơn, bột - HĐ 2 - Văn Trỗi (Trường Cao đẳng Nguyễn Văn Trỗi)	131		15.454.545
3	KC002/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	215.691.945	
...	..	..	...	..	...	...
56	TM006/10	08/10	Thu tiền Xuất bán sơn - HĐ: 31 (HĐ 31 08/10/2025) (Đoàn Ngọc Thọ)	1111		3.270.000
57	TM007/10	09/10	Thu tiền Xuất bán sơn - HĐ: 32- Đức Thọ (HĐ 32 09/10/2025) (Đoàn Ngọc Thọ)	1111		4.210.000
58	XH1003/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 33- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		350.997.000
59	XH1004/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 34- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		293.653.000
60	XH1005/10	10/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 35-Thiên Nhưng (CÔNG TY TNHH MTV TMDV THIÊN NHUNG)	131		6.822.000
61	XH1006/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 36- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		274.025.000
62	XH1007/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 37- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	131		220.937.000

63	TM013/10	18/10	Thu tiền Xuất bán bột - HĐ: 38- CONSTRUCTION (HĐ 38 18/10/2025) (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	1111		1.620.000
64	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 39 thay thế cho HĐ số 25 ngày 27/08/2025 (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	131		8.989.000
65	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 40 - Công ty Nam An Việt (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NAM AN VIỆT)	131		28.917.000
66	XH1012/10	24/10	Xuất bán sơn - HĐ: 41-Hiếu Văn (CÔNG TY TNHH MTV HIẾU VĂN)	131		29.814.000
67	XH1013/10	31/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 42 - Cty Lâm Nguyễn (CÔNG TY TNHH LÂM NGUYỄN NAM HỘI AN)	131		42.240.293
68	KC002/10	31/10	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	1.313.531.793	
...	...	...	...	...	...	...
75	XH1004/12	22/12	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 47 (CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT - SÉC)	131		453.703.704
76	XH1005/12	24/12	Xuất bán sơn - HĐ: 48 - Cty Nam An Việt (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NAM AN VIỆT)	131		24.093.000
77	XH1006/12	25/12	Xuất bán bảng màu - HĐ: 49 (CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT - SÉC)	131		453.736.000
78	XH1007/12	26/12	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 50 (CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG KIẾN AN PHÚC)	131		7.407.407
79	KC003/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	1.996.989.148	
			Cộng phát sinh tháng 12		1.996.989.148	1.996.989.148
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		3.345.920.941	3.345.920.941
			Cộng lũy kế từ đầu năm		5.847.826.764	5.847.826.764
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.5: Trích sổ cái TK 511 năm 2025

2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

Trong năm 2025, công ty không phát sinh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu.

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng

b. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng

- Giấy báo có

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết tài khoản 515

- Sổ cái tài khoản 515

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Công ty nhận được giấy báo lãi tháng ngày 31/10/2025 của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với số tiền là 7.198 đồng.

GIẤY BẢO CỐ

=====

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date: 2025-10-31 01:50:57
Loại tiền tệ Currency: VND
Tên người chuyển Applicant name:
Số tài khoản From account number:
Tại ngân hàng With Bank:
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary: CT TNHH TM VÀ DV TRUONG GIA THINH

Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No: 113002690473
Ngân hàng Beneficiary Branch: 48831 - CN BAC DA NANG - PGD THANH KHE 2
Số tiền bằng số Amount in figures: 7,198
Số tiền bằng chữ Amount in word: Bảy nghìn một trăm chín mươi tám đồng
Số tham chiếu Transaction Reference Number:
Nội dung giao dịch Description: Tra lại tại khoản DDA

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid
Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN
BAC DA NANG
Ngày ký: 31/10/2025

Hình 2.6: Giấy bảo có của ngân hàng

Sau khi nhận được giấy bảo có, kế toán kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm theo các thao tác sau:

Vào phân hệ “Thu chi” => “Phiếu thu tiền gửi (bảo có)” nhập dữ liệu vào phần mềm (PHỤ LỤC 10)

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 515, sổ cái TK 515.

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 515

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH

Mẫu số S19-DNN

Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố
Đà Nẵng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG006/01	30/01	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		3.691		3.691
2	KC003/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	3.691			
Cộng phát sinh tháng 01					3.691	3.691		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...		...		...
19	TG007/10	31/10	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		7.198		7.198
20	KC003/10	31/10	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.198			
Cộng phát sinh tháng 10					7.198	7.198		
Số dư cuối tháng 10								
21	TG005/11	30/11	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		7.323		7.323
22	KC003/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.323			
Cộng phát sinh tháng 11					7.323	7.323		
Số dư cuối tháng 11								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					14.521	14.521		
Cộng lũy kế từ đầu năm					44.059	44.059		
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.7: Trích sổ chi tiết TK 515 năm 2025

Dưới đây trích sổ cái tài khoản 515

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà
Nẵng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỐ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
...	...	...	...	...		...
17	TG005/09	30/09	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		4.427
18	KC003/09	30/09	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	4.427	
			Cộng phát sinh tháng 09		4.427	4.427
			Số dư cuối tháng 09			
			Cộng lũy kể từ đầu quý 3		10.460	10.460
19	TG007/10	31/10	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		7.198
20	KC003/10	31/10	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.198	
			Cộng phát sinh tháng 10		7.198	7.198
			Số dư cuối tháng 10			
21	TG005/11	30/11	Lãi TGNH (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121		7.323
22	KC003/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	7.323	
			Cộng phát sinh tháng 11		7.323	7.323
			Số dư cuối tháng 11			
			Cộng lũy kể từ đầu quý 4		14.521	14.521
			Cộng lũy kể từ đầu năm		44.059	44.059
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.8: Trích sổ cái TK 515 năm 2025

2.2.4 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung thu nhập khác

- Thu nhập khác của công ty bao gồm: Công ty nhận được các khoản chiết khấu đặc biệt, chiết khấu đối tác tin cậy, chiết khấu sản phẩm, chiết khấu theo doanh số.
- Các chính sách chiết khấu mà Công ty được hưởng dựa trên tiêu chí chủ chốt: mua từ nhà cung cấp với số lượng lớn.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết tài khoản 711
- Sổ cái tài khoản 711

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 10/10/2025, Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào về khoản chiết khấu quý 3 theo số hóa đơn 9913.

Khoản chiết khấu quý 3 theo số hóa đơn 9913 xuất phát từ Công ty mua hàng với số lượng lớn theo Quý 3 năm 2025, Công ty đã hạch toán vào thu nhập khác.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT Invoice

Ngày hóa đơn Invoice Date	10.10.2025	Mẫu số Form No	1
Ngày đến hạn Due Date	31.12.2025	Ký hiệu Serial No	1C25TAD
Mã số khách hàng Customer Number	323017	Hóa đơn số Inv No	00009913
MST khách hàng Customer VAT code	0401846939	Mã CQT:	00976E2087B95A4F568F79094E23EBECA9

Khách hàng
Invoice Address:
CÔNG TY TNHH TM & DV TRƯỜNG GIA THỊNH
K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê.
Đà Nẵng Việt Nam

Địa chỉ giao hàng
Delivery Address:
CÔNG TY TNHH TM & DV TRƯỜNG GIA THỊNH
K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê.
Đà Nẵng Việt Nam

Điều kiện thanh toán Terms of Payment:	Tháng mua hàng + 60 ngày bằng CK
Ngày giao hàng Actual Ship Date:	Đơn hàng số Purchase Order Number
10.10.2025	
Số tham chiếu của khách hàng Your Reference	
Số tham chiếu Trip no. / Dt.no:	Số tham chiếu II3325018091 Invoice Number

Số lượng Quantity	Tên, qui cách hàng hóa Description	Số lượng theo DVT Price Quantity	Đơn giá Sales Unit Price	Thành tiền Net Amount
1	Chiết khấu Quý 3/2025 (Ref: SLS/065B/2025) theo doanh số bán hàng từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm)	1	56.197.200	-56.197.200

VND	
Cộng tiền HHĐV Total Exclusive VAT	-56.197.200
Thuế Suất GTGT 8%	
Tiền thuế GTGT Total VAT	-4.495.776
Tổng cộng số tiền phải thanh toán Invoice Amount to Pay	-60.692.976

Số tiền bằng chữ "Amount in words"
Giám sáu mươi triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng

Người mua hàng
Customer

Người bán hàng
Approved by
(Đã được ký điện tử)

Signature Valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM
Ngày ký: 12/10/2025

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 9913

Kế toán bán hàng căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm theo thao tác:
Vào phân hệ “Tổng hợp” => “Chứng từ kế toán khác” để nhập dữ liệu vào phần mềm ([PHU LUC 11](#))

Nhiệm vụ 2: Ngày 10/10/2025, Công ty nhận được hóa đơn GTGT đầu vào về khoản chiết chương trình đối tác tin cậy quý 3/2025 theo số hóa đơn 10012.

Khoản chiết khấu chương trình đối tác tin cậy quý 3/2025 theo doanh số bán hàng, Công ty đã hạch toán vào thu nhập khác.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT Invoice

Khách hàng
Invoice Address:
CÔNG TY TNHH TM & DV TRƯỜNG GIA THỊNH
K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê,
Đà Nẵng Việt Nam

Địa chỉ giao hàng
Delivery Address:
CÔNG TY TNHH TM & DV TRƯỜNG GIA THỊNH
K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê,
Đà Nẵng Việt Nam

Ngày hóa đơn Invoice Date	10.10.2025	Mẫu số Form No	1
Ngày đến hạn Due Date	31.12.2025	Ký hiệu Serial No	1C25TAD
Mã số khách hàng Customer Number	323017	Hóa đơn số Inv No	00010012
MST khách hàng Customer VAT code	0401846939	Mã CQT: 00CEAB2D62A6EB4A23AC36C0CC8E56AAE1	

Điều kiện thanh toán Terms of Payment:	Tháng mua hàng + 60 ngày bằng CK
Ngày giao hàng Actual Ship Date:	Đơn hàng số Purchase Order Number
10.10.2025	
Số tham chiếu của khách hàng Your Reference	
Số tham chiếu Trip no. / Dt.no:	Số tham chiếu Invoice Number
	II3325018205

Số lượng Quantity	Tên, qui cách hàng hóa Description	Số lượng theo DVT Price Quantity	Đơn giá Sales Unit Price	Thành tiền Net Amount
1	Chiết khấu chương trình đối tác tin cậy Q3/2025 (Ref: SLS/057/2025) theo doanh số bán hàng từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm)	1	49.137.900	-49.137.900

VND

Cộng tiền HHĐV Total Exclusive VAT	-49.137.900
Thuế Suất GTGT 8%	
Tiền thuế GTGT Total VAT	-3.931.032
Tổng cộng số tiền phải thanh toán Invoice Amount to Pay	-53.068.932

Số tiền bằng chữ "Amount in words"

Giám năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm ba mươi hai đồng

Người mua hàng
Customer

Người bán hàng
Approved by
(Đã được ký điện tử)

Signature Valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM
Ngày ký: 12/10/2025

Hình 2.10: Hóa đơn GTGT số 10012

Kế toán bán hàng căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm như nghiệp vụ 1

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 711, sổ cái TK 711.

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 711

Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
9	TH003/07	13/07	Chiết khấu chương trình đối tác tin cậy Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		52.763.800		117.677.800
10	TH004/07	13/07	Chiết khấu các sản phẩm sơn cao cấp Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		14.431.900		132.109.700
11	TH005/07	13/07	Chiết khấu quản lý TT pha màu - Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		6.286.000		138.395.700
12	KC003/07	31/07	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	138.395.700			
Cộng phát sinh tháng 07					138.395.700	138.395.700		
Số dư cuối tháng 07								
13	TH001/09	12/09	Chiết khấu tháng 8/2025 (Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam)	331		4.018.700		4.018.700
...	...	...	...	...	...	...	...	...
20	TH001/10	10/10	Chiết khấu quý 3/2025 (Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam)	331		56.197.200		56.197.480
21	TH002/10	10/10	Chiết khấu chương trình đối tác tin cậy Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		49.137.900		105.335.380
22	TH003/10	10/10	Chiết khấu các sản phẩm sơn cao cấp Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		12.662.900		117.998.280
23	TH004/10	11/10	Chiết khấu quản lý TT pha màu - Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		7.852.200		125.850.480
24	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	125.850.480			
Cộng phát sinh tháng 10					125.850.480	125.850.480		
Số dư cuối tháng 10								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					130.980.080	130.980.080		
Cộng lũy kế từ đầu năm					571.706.380	571.706.380		
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.11: Trích sổ chi tiết TK 711 năm 2025

Dưới đây trích sổ cái tài khoản 711

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH**

**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê,
Thành phố Đà Nẵng**

Mẫu số S03b-DNN

*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
...	...	...	...	..	...	...
9	TH003/07	13/07	Chiết khấu chương trình đối tác tin cậy Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		52.763.800
10	TH004/07	13/07	Chiết khấu các sản phẩm sơn cao cấp Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		14.431.900
11	TH005/07	13/07	Chiết khấu quản lý TT pha màu - Q2/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		6.286.000
12	KC003/07	31/07	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	138.395.700	
			Cộng phát sinh tháng 07		138.395.700	138.395.700
			Số dư cuối tháng 07			
13	TH001/09	12/09	Chiết khấu tháng 8/2025 (Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam)	331		4.018.700
...	...	...	...	...	...	...
20	TH001/10	10/10	Chiết khấu quý 3/2025 (Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam)	331		56.197.200
21	TH002/10	10/10	Chiết khấu chương trình đối tác tin cậy Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		49.137.900
22	TH003/10	10/10	Chiết khấu các sản phẩm sơn cao cấp Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		12.662.900
23	TH004/10	11/10	Chiết khấu quản lý TT pha màu - Q3/2025 (CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM)	331		7.852.200
24	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	125.850.480	
			Cộng phát sinh tháng 10		125.850.480	125.850.480
			Số dư cuối tháng 10			
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		130.980.080	130.980.080
			Cộng lũy kế từ đầu năm		571.706.380	571.706.380
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.12: Trích sổ cái TK 711 năm 2025

2.3 Thực trạng kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung giá vốn hàng bán

- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán, kế toán lập phiếu xuất kho, ghi đúng số lượng và giá trị của hàng xuất bán. Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán lập bảng tổng hợp hàng hóa để xác định tổng giá vốn hàng hóa xuất ra trong kỳ.

- Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm để tính giá xuất kho. Đặc điểm này giúp công ty phản ánh sát thực biến động của giá thị trường vì đơn giá được cập nhật liên tục sau mỗi lần nhập hàng.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết tài khoản 632

- Sổ cái tài khoản 632

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 08/10/2025, Công ty cổ phần xây dựng và thiết bị năng lượng Phú Ninh mua hàng tại công ty(Đã trích ở nghiệp vụ 1 phần Doanh thu bán hàng)
Từ nghiệp vụ bán hàng trên, hóa đơn điện tử kèm phiếu xuất kho XH1002/10 được nhập vào phần mềm.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯƠNG GIA THỊNH
Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê
Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số : XH1002/10
Nợ : 632
Có : 156

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 08 tháng 10 năm 2025

Họ, tên người nhận hàng : Đoàn Ngọc Thọ

Địa chỉ : Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do : Xuất bán sơn - HĐ: 31

Kho xuất : Địa điểm:

STT	Tên vật tư - hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Sơn Jotaplast Base A 4.5L	Thùng	5,00	232.197,00	1.160.985
2	Sơn Waterguard xám đậm 5511 20Kg	Thùng	1,00	2.104.249,00	2.104.249
Tổng cộng		-		-	3.265.234

Số tiền phải thanh toán : Ba triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng y.
(Viết bằng chữ)

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trương Hữu Trung

Hình 2.13: Phiếu xuất kho số XH1002/10

Nghiệp vụ 2: Ngày 11/10/2025, Công ty TNHH xây dựng mỹ thuật Cường Hoa mua hàng tại công ty(Đã trích ở nghiệp vụ 1 phần Doanh thu bán hàng)
Từ nghiệp vụ bán hàng trên, hóa đơn điện tử kèm phiếu xuất kho XH1007/10 được nhập vào phần mềm.

Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH
Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê,
Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số : XH1007/10

Nợ : 632

Có : 156

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 10 năm 2025

Họ, tên người nhận hàng : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA

Địa chỉ : Số 565 Đường 29 tháng 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt
Nam

Lý do : Xuất bán sơn - HĐ: 37- Cường Hoa

Kho xuất : _____ Địa điểm: _____

STT	Tên vật tư - hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Sơn Tough shield base A 4.5L	Thùng	200,00	386.989,00	77.397.800
2	Sơn tough shield max base A 4.5L	Thùng	20,00	758.810,02	15.176.200
3	Sơn Waterguard xám đậm 5511 6Kg	Thùng	16,00	681.439,69	10.903.035
4	Sơn Waterguard xám nhạt 8563 20Kg	Thùng	20,00	2.135.232,00	42.704.640
5	Tough shield base A 16.2L	Thùng	40,00	1.260.561,00	50.422.440
6	Tough shield max base A 16.2L	Thùng	15,00	1.601.804,00	24.027.060
Tổng cộng		-		-	220.631.175

Số tiền phải thanh toán : Hai trăm hai triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn,
(Viết bằng chữ) một trăm bảy mươi lăm đồng y.

Số chứng từ gốc kèm theo : _____

Ngày 11 tháng 10 năm 2025

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Trương Hữu Trung

Hình 2.14: Phiếu xuất kho số XH1007/10

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 632, sổ cái TK 632.

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 632

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH**
Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An
Khê, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	10/01	Xuất bán sơn, bột - hđ: 1 - Phú Mỹ (CÔNG TY CỔ PHẦN TAHHSIN PHÚ MỸ)	156	200.161.291		200.161.291	
2	XH1002/01	14/01	Xuất bán sơn, bột - HĐ 2 - Văn Trỗi (Trường Cao đẳng Nguyễn Văn Trỗi)	156	15.438.718		215.600.009	
3	KC004/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	911		215.600.009		
Cộng phát sinh tháng 01					215.600.009	215.600.009		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
55	XH1002/10	08/10	Xuất bán sơn - HĐ: 31 (Đoàn Ngọc Thọ)	156	3.265.234		5.369.483	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
61	XH1007/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 37- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	156	220.631.175		1.154.026.694	
62	XH1009/10	18/10	Xuất bán bột - HĐ: 38- CONSTRUCTION (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	156	1.598.184		1.155.624.878	
63	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 39 thay thế cho HĐ số 25 ngày 27/08/2025 (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	156	9.005.863		1.164.630.741	
64	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 40 - Công ty Nam An Việt (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NAM AN VIỆT)	156	28.910.000		1.193.540.741	
65	XH1012/10	24/10	Xuất bán sơn - HĐ: 41- Hiếu Văn (CÔNG TY TNHH MTV HIẾU VĂN)	156	29.800.519		1.223.341.260	
66	XH1013/10	31/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 42 - Cty Lâm Nguyễn (CÔNG TY TNHH LÂM NGUYỄN NAM HỘI AN)	156	41.604.089		1.264.945.349	
67	KC004/10	31/10	K.c giá vốn hàng bán	911		1.264.945.349		
Cộng phát sinh tháng 10					1.264.945.349	1.264.945.349		
Số dư cuối tháng 10								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					3.288.226.364	3.288.226.364		
Cộng lũy kế từ đầu năm					5.771.188.234	5.771.188.234		
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.15: Trích sổ chi tiết TK 632 năm 2025

Dưới đây trích sổ cái tài khoản 632**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH****Mẫu số S03b-DNN****Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành
phố Đà Nẵng***(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỐ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2025

Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ				x		
...	...	...	...	...	...	...
54	XH1001/10	07/10	Xuất bán sơn - HĐ: 30 - Phú Ninh (Đoàn Ngọc Thọ)	156	2.104.249	
55	XH1002/10	08/10	Xuất bán sơn - HĐ: 31 (Đoàn Ngọc Thọ)	156	3.265.234	
..	..	..		..	..	..
60	XH1006/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 36- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	156	273.747.805	
61	XH1007/10	11/10	Xuất bán sơn - HĐ: 37- Cường Hoa (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA)	156	220.631.175	
62	XH1009/10	18/10	Xuất bán bột - HĐ: 38- CONSTRUCTION (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	156	1.598.184	
63	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 39 thay thế cho HĐ số 25 ngày 27/08/2025 (CÔNG TY TNHH L.E.V.O ARCHITECTURE & CONSTRUCTION)	156	9.005.863	
64	XH1011/10	21/10	Xuất bán sơn - HĐ: 40 - Công ty Nam An Việt (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NAM AN VIỆT)	156	28.910.000	
65	XH1012/10	24/10	Xuất bán sơn - HĐ: 41-Hiếu Văn (CÔNG TY TNHH MTV HIẾU VĂN)	156	29.800.519	
66	XH1013/10	31/10	Xuất bán sơn, bột - HĐ: 42 - Cty Lâm Nguyễn (CÔNG TY TNHH LÂM NGUYỄN NAM HỘI AN)	156	41.604.089	
67	KC006/10	31/10	K.c giá vốn hàng bán	911		1.264.945.349
Cộng phát sinh tháng 10					1.264.945.349	1.264.945.349
Số dư cuối tháng 10						
...	...	...	...	...	...	...
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					3.288.226.364	3.288.226.364
Cộng lũy kế từ đầu năm					5.771.188.234	5.771.188.234
Số dư cuối kỳ				x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)*Hình 2.16: Trích sổ cái TK 632 năm 2025*

2.3.2 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung chi phí tài chính

- Chi phí tài chính của công ty bao gồm chủ yếu là lãi tiền vay

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ

- Sổ phụ ngân hàng

- Phiếu chi

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết tài khoản 635

- Sổ cái tài khoản 635

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 06/10/2025, nhận được giấy báo nợ của ngân hàng lãi tiền vay của công ty là 289.315 nghìn đồng, công ty đã thanh toán.

GIẤY BẢO NỢ

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date: 2025-10-06 23:19:02
Loại tiền tệ Currency: VND
Tên người chuyển Applicant name: CT TNHH TM VA DV TRUONG GIA THINH
Số tài khoản From account number: 113002690473
Tại ngân hàng With Bank: 48831 - CN BAC DA NANG - PGD THANH KHE 2
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary: CT TNHH TM VA DV TRUONG GIA THINH

Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No: 806007362485
Ngân hàng Beneficiary Branch: 48831 - CN BAC DA NANG - PGD THANH KHE 2
Số tiền bằng số Amount in figures: 289,315
Số tiền bằng chữ Amount in word: Hai trăm tám mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng
Số tham chiếu Transaction Reference Number:

Nội dung giao dịch Description: Thu gốc: VND - Thu lãi: 289315 VND - Thu lãi phạt: VND - Thu phí: VND

Chi nhánh Branch

Chữ ký số E-signature

Signature Valid
Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN
BAC DA NANG
Ngày ký: 31/10/2025

Hình 2.17: Giấy báo nợ của ngân hàng

Sau khi nhận được giấy báo nợ, kế toán kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm theo các thao tác sau:

Vào phân hệ “Thu chi” => “Phiếu chi tiền gửi (báo nợ)” nhập dữ liệu vào phần mềm ([PHU LUC 12](#)).

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 635, sổ cái TK 635.

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 635

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH**
**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An
Khê, Thành phố Đà Nẵng**

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
...	...	...	...	...	...		...	
52	CG003/10	06/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	289.315		289.315	
53	CG006/10	13/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	235.068		524.383	
54	CG009/10	20/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.126		534.509	
55	CG011/10	23/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	280.274		814.783	
56	CG015/10	27/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	11.119.462		11.934.245	
57	KC006/10	31/10	K.c Chi phí tài chính	911		11.934.245		
...	...	...	...	...	...		...	
Cộng phát sinh tháng 12					12.852.152	12.852.152		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					36.183.641	36.183.641		
Cộng lũy kế từ đầu năm					161.141.262	161.141.262		
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.18: Trích sổ chi tiết 635 năm 2025

Dưới đây trích sổ cái tài khoản 635

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH**

Mẫu số S03b-DNN

**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành
phố Đà Nẵng**

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
...	...	...	...	...	...	...
52	CG003/10	06/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	289.315	
53	CG006/10	13/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	235.068	
54	CG009/10	20/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.126	
55	CG011/10	23/10	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	280.274	
...	...	...	...	...	...	...
62	CG015/11	25/11	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.794.695	
63	KC006/11	30/11	K.c Chi phí tài chính	911		11.397.244
			Cộng phát sinh tháng 11		11.397.244	11.397.244
			Số dư cuối tháng 11			
...	..	...	...	...	...	...
70	CG021/12	19/12	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	813.698	
71	CG022/12	25/12	Lãi tiền vay (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CÓ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.159.624	
72	KC006/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	911		12.852.152
			Cộng phát sinh tháng 12		12.852.152	12.852.152
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		36.183.641	36.183.641
			Cộng lũy kế từ đầu năm		161.141.262	161.141.262
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.19: Trích sổ cái TK 635 năm 2025

2.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kế toán chi phí bán hàng TK 6421 trong năm công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp TK 6422 của công ty bao gồm các khoản chi phí như: phí dịch vụ ngân hàng, cước Internet, tính tiền lương nhân viên, trích nộp BHXH – BHYT – BHTN văn phòng,...

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Giấy báo nợ

- Phiếu chi

- Bảng thanh toán tiền lương

- Sổ theo dõi công cụ dụng cụ, bảng tính khấu hao TSCĐ

c. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: + Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

+ Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ chi tiết tài khoản 6422

- Sổ cái tài khoản 642

e. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Dựa vào bảng chấm công tháng 11, kế toán thực hiện việc tính lương tháng 11/2025 cho nhân viên các bộ phận.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

Đ/c: K221/23B Trường Chinh, P. An Khê, TP. Đà Nẵng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 11 NĂM 2025

STT	Họ Tên	Chức vụ	Tổng công	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
				Bảy	CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy	CN
1	Trương Hữu Trung	Giám đốc	24			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
2	Lê Thị Kim Phương	Kế toán trưởng	24	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
3	Huỳnh Thị Tuyết Mai	Kế toán bán hàng	24	x		x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
4	Trần Công Trường	Thủ quỹ	24	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	
5	Trần Hữu Quý	Quản lý kho	24	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
6	Nguyễn Đức Dương	Kinh doanh	24	x		x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
7	Lê Anh Viên	Kinh doanh	24	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 11 năm 2025

Người lập
Lê Thị Kim Phương

Giám Đốc
Trương Hữu Trung

Hình 2.20: Bảng chấm công tháng 11 năm 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

Đ/c: K221/23B Trường Chinh, P. An Khê, TP. Đà Nẵng

BẢNG LƯƠNG THÁNG 11 NĂM 2025

STT	Họ tên nhân viên	Chức vụ	Lương cơ bản	Tổng ngày công	Phụ cấp		Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ			Lương thực nhận
					Xăng xe	Điện thoại		BHXH	BHYT	BHTN	
Bộ phận văn phòng											
1	Trương Hữu Trung	Giám đốc	11.000.000	24	400.000	300.000	11.700.000	880.000	165.000	110.000	10.545.000
2	Lê Thị Kim Phuong	Kế toán trưởng	9.500.000	24	300.000	200.000	10.000.000	760.000	142.500	95.000	9.002.500
3	Huỳnh Thị Tuyết Mai	Kế toán bán hàng	8.000.000	24	300.000	200.000	8.500.000	640.000	120.000	80.000	7.660.000
4	Trần Công Trường	Thủ quỹ	7.000.000	24	200.000	100.000	7.300.000	560.000	105.000	70.000	6.565.000
5	Trần Hữu Quý	Quản lí kho	7.000.000	24	200.000	100.000	7.300.000	560.000	105.000	70.000	6.565.000
	Cộng		42.500.000	120	1.400.000	900.000	44.800.000	3.400.000	637.500	425.000	40.337.500
Bộ phận bán hàng											
6	Nguyễn Đức Dương	Kinh doanh	7.000.000	24	200.000	100.000	7.300.000	560.000	105.000	70.000	6.565.000
7	Lê Anh Vĩ	Kinh doanh	7.000.000	24	200.000	100.000	7.300.000	560.000	105.000	70.000	6.565.000
	Cộng		14.000.000	48	400.000	200.000	14.600.000	1.120.000	210.000	140.000	13.130.000
	TỔNG CỘNG		56.500.000	168	1.800.000	1.100.000	59.400.000	4.520.000	847.500	565.000	53.467.500

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 11 năm 2025

Người Lập
Lê Thị Kim Phuong

Kế toán
Lê Thị Kim Phuong

Giám Đốc
Trương Hữu Trung

Hình 2.21: Bảng tính lương tháng 11 năm 2025

Dựa vào bảng lương tháng 11/2025, Kế toán nhập liệu vào phần mềm hạch toán lương nhân viên công ty ([PHỤ LỤC 13](#))

Sau khi hạch toán lương vào phần mềm và trích các khoản bảo hiểm trừ vào lương người lao động, kế toán thực hiện bút toán chi lương cho nhân viên.

Phần mềm sẽ cập nhật vào phiếu chi, kế toán nhấn “Chi tiền” phiếu chi được kết xuất như sau: ([PHỤ LỤC 14](#))

Dựa vào bảng thanh toán tiền lương của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh, Kế toán trích các khoản bảo hiểm theo quy định tính vào chi phí doanh nghiệp (BHXH 17,5%; BHYT 3%; BHTN 1%).

BẢNG TRÍCH BHXH, BHYT, BHTN THÁNG 11 NĂM 2025

ST T	HỌ VÀ TÊN	Các khoản trừ			
		LƯƠNG CƠ BẢN	DN TRÍCH BHXH 17,5%	DN TRÍCH BHYT 3%	DN TRÍCH BHTN 1%
1	Trương Hữu Trung	11.000.000	1.925.000	330.000	110.000
2	Lê Thị Kim Phương	9.500.000	1.662.500	285.000	95.000
3	Huỳnh Thị Tuyết Mai	8.000.000	1.400.000	240.000	80.000
4	Trần Công Trường	7.000.000	1.225.000	210.000	70.000
5	Trần Hữu Quý	7.000.000	1.225.000	210.000	70.000
6	Nguyễn Đức Dương	7.000.000	1.225.000	210.000	70.000
7	Lê Anh Viễn	7.000.000	1.225.000	210.000	70.000
Tổng		56.500.000	9.887.500	1.695.000	565.000

Hình 2.22: Bảng trích BHXH, BHYT, BHTN tháng 11 năm 2025

Dựa vào bảng trích bảo hiểm tháng 11/2025, Kế toán nhập liệu vào phần mềm hạch toán BHXH, BHYT, BHTN như sau ([PHỤ LỤC 15](#))

Nghiệp vụ 2: Ngày 30/11/2025, Công ty chi tiền trả cước Internet FPT của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT với tổng số tiền thanh toán là 300.000 đồng (bao gồm VAT 10%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Mã số thuế(Tax code): 0101778163

Địa chỉ(Address): Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại(Tel): Điện thoại: 1900 6600 - Fax: (04) 7300 8889

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử**

(Electronic invoice display)

Ngày(date) **30** tháng(month) **11** năm(year) **2025**Ký hiệu(Serial): **1K25TMT**Số(Invoice No): **04708020**ID HĐ(Code): **M25MT04708020**Tên người mua(Customer name): **CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH**ID khách hàng(Customer ID): **DAFD57646**Mã số thuế(Tax code): **0401846939**

Mã định danh(ID Code):

Số hộ chiếu(Passport):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách(Unit Code):

Địa chỉ(Address): **K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Đồng tiền thanh toán(Currency code): **VND**

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (VAT rate)	Thuế GTGT (VAT amount)	Tổng cộng (Grand total)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Cước Internet (Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025)	Gói	1	222.727	222.727	10%	22.273	245.000
2	Thuê thiết bị đầu cuối (Từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025)	Gói	1	50.000	50.000	10%	5.000	55.000
Tổng tiền không chịu thuế (Non-taxable amount)						KCT		
Tổng tiền chịu thuế suất 0% (Amount with tax rate 0%)						0%		
Tổng tiền chịu thuế suất 5% (Amount with tax rate 5%)						5%		
Tổng tiền chịu thuế suất 8% (Amount with tax rate 8%)						8%		
Tổng tiền chịu thuế suất 10% (Amount with tax rate 10%)						10%	27.273	300.000
Tổng cộng (Grand total)							27.273	300.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba trăm nghìn đồng chẵn								

Người bán hàng(Seller)

Ký bởi: Công ty Cổ phần Viễn thông FPT
Ký ngày: 30-11-2025*Hình 2.23: Hoá đơn GTGT số 4708020*

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm theo thao tác: Vào phân hệ “Thu chi” => “Phiếu chi tiền mặt” để nhập dữ liệu vào phần mềm ([PHỤ LỤC 16](#))

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 6422, sổ cái TK 642.

Ghi chú: Xem sổ Nhật ký chung ở trang số 77

Dưới đây trích sổ chi tiết tài khoản 6422

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH**
**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An
Khê, Thành phố Đà Nẵng**

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
159	CG007/11	26/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	35.000		103.000	
160	CG008/11	28/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	20.000		123.000	
161	CG009/11	28/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.000		133.000	
162	CM004/11	30/11	Cước Internet FPT hd 4708020 (CN Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT)	1111	272.727		405.727	
163	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3383	9.887.500		10.293.227	
164	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3384	1.695.000		11.988.227	
165	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3385	565.000		12.553.227	
166	TH008/11	30/11	Hạch toán chi phí lương (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	334	59.400.000		71.953.227	
167	KC006/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		71.953.227		
Cộng phát sinh tháng 11					71.953.227	71.953.227		
Số dư cuối tháng 11								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					216.021.601	216.021.601		
Cộng lũy kế từ đầu năm					507.422.884	507.422.884		
Số dư cuối kỳ								

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.24: Trích sổ chi tiết TK 6422 năm 2025

Dưới đây trích sổ cái tài khoản 642

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH**
**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê,
Thành phố Đà Nẵng**

Mẫu số S03b-DNN

*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)*

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 642 (Chi phí quản lý kinh doanh)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
...	...	...	...	...	...	...
159	CG007/11	26/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	35.000	
160	CG008/11	28/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	20.000	
161	CG009/11	28/11	Phí dịch vụ ngân hàng (NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG)	1121	10.000	
162	CM004/11	30/11	Cước Internet FPT hđ 4708020 (CN Đà Nẵng Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT)	1111	272.727	
163	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3383	9.887.500	
164	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3384	1.695.000	
165	TH005/11	30/11	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	3385	565.000	
166	TH008/11	30/11	Hạch toán chi phí lương (Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh)	334	59.400.000	
167	KC006/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		71.953.227
			Cộng phát sinh tháng 11		71.953.227	71.953.227
			Số dư cuối tháng 11			
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		216.021.601	216.021.601
			Cộng lũy kế từ đầu năm		507.422.884	507.422.884
			Số dư cuối kỳ	x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.25: Trích sổ cái TK 642 năm 2025

2.3.4 Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

Trong năm 2025, công ty không phát sinh nghiệp vụ chi phí khác

2.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

Ngày 31/12/2025, Căn cứ vào BCKQHĐKD và bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn để lập tờ khai quyết toán thuế TNDN

Cách xác định chi phí thuế TNDN như sau:

$$\begin{aligned}\text{Thu nhập chịu thuế} &= \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác} \\ &= (5.847.826.764 + 44.059) - (5.771.188.234 + 161.141.262 + 507.422.884) + 571.706.380 = -20.175.177\end{aligned}$$

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

$$\begin{aligned}&= -20.175.177 - 0 \\ &= -20.175.177\end{aligned}$$

=> Căn cứ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, do thu nhập tính thuế nhỏ hơn 0, doanh nghiệp không phải nộp thuế TNDN hiện hành.

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

[07] Mã số thuế: 0401846939

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(20.175.177)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(20.175.177)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(20.175.177)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(20.175.177)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)		0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRƯƠNG HỮU TRUNG

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xố số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xố số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xố số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền tăng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xố số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH.

Hình 2.26: Tờ khai quyết toán thuế TNDN

PHỤ LỤC BCKQHDKD

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công
ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

Mẫu số: **03-IA/TNDN**
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2021/TT
-BTC ngày 29 tháng 9
năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH

[03] Mã số thuế: 0401846939

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	5.847.826.764
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	44.059
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	44.059
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	6.278.611.118
a	Giá vốn hàng bán	[13]	5.771.188.234
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	507.422.884
5	Chi phí tài chính	[16]	161.141.262
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	161.141.262
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(591.881.557)
7	Thu nhập khác	[19]	571.706.380
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	571.706.380
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(20.175.177)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

TRƯƠNG HỮU TRUNG

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯƠNG GIA THỊNH.**

Hình 2.27: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

a. Chứng từ sử dụng

- Bảng kê, bút toán kết chuyển cuối kỳ

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái các tài khoản về doanh thu: TK 511, TK 515, TK 711
- Sổ cái các tài khoản về chi phí: TK 632, TK 635, TK 642, TK 811

d. Minh họa nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Cuối tháng, kế toán sẽ thực hiện các bút toán kết chuyển các khoản DT, CP của các TK 511, 515, 711, 632, 635, 642, sang TK 911, sau đó số dư của TK 911 sẽ được kết chuyển sang TK 421 để thực hiện xác định KQKD trong năm tại công ty. ([PHỤ LỤC 17](#))

Để xem Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán vào phân hệ “Báo cáo tài chính” -> “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”.([PHỤ LỤC 18](#))

Dưới đây là trích sổ cái tài khoản 911

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH**

Mẫu số S03b-DNN

**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố
Đà Nẵng**

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	KC001/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		215.691.945
2	KC002/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		3.691
3	KC003/01	31/01	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		708.500
4	KC004/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	632	215.600.009	
5	KC005/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	635	265.494	
6	KC006/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	37.012.863	
7	KC007/01	31/01	Kết chuyển lỗ tháng 01/2025	4212		36.474.230
			Cộng phát sinh tháng 01		252.878.366	252.878.366
			Số dư cuối tháng 01			
8	KC001/02	28/02	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		21.174.000
9	KC002/02	28/02	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		3.480
10	KC003/02	28/02	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		134.264.200
11	KC004/02	28/02	K.c giá vốn hàng bán	632	21.163.620	
12	KC005/02	28/02	K.c Chi phí tài chính	635	29.686.693	
13	KC006/02	28/02	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	36.086.113	
14	KC007/02	28/02	Kết chuyển lãi tháng 02/2025	4212	68.505.254	
			Cộng phát sinh tháng 02		155.441.680	155.441.680
			Số dư cuối tháng 02			
15	KC001/03	31/03	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		32.196.400
16	KC002/03	31/03	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		1.844
17	KC003/03	31/03	K.c giá vốn hàng bán	632	32.190.701	
18	KC004/03	31/03	K.c Chi phí tài chính	635	13.924.895	
19	KC005/03	31/03	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.424.863	
20	KC006/03	31/03	Kết chuyển lỗ tháng 03/2025	4212		44.342.215
			Cộng phát sinh tháng 03		76.540.459	76.540.459
			Số dư cuối tháng 03			
			Cộng lũy kể từ đầu quý 1		484.860.505	484.860.505
21	KC001/04	30/04	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		61.259.700

22	KC002/04	30/04	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		2.109
23	KC003/04	30/04	K.c giá vốn hàng bán	632	61.228.844	
24	KC004/04	30/04	K.c Chi phí tài chính	635	14.826.220	
25	KC005/04	30/04	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.240.227	
26	KC006/04	30/04	Kết chuyển lỗ tháng 04/2025	4212		45.033.482
Cộng phát sinh tháng 04					106.295.291	106.295.291
Số dư cuối tháng 04						
27	KC001/05	31/05	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		133.822.000
28	KC002/05	31/05	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		2.820
29	KC003/05	31/05	K.c giá vốn hàng bán	632	134.150.931	
30	KC004/05	31/05	K.c Chi phí tài chính	635	14.550.587	
31	KC005/05	31/05	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	36.420.000	
32	KC006/05	31/05	Kết chuyển lỗ tháng 05/2025	4212		51.296.698
Cộng phát sinh tháng 05					185.121.518	185.121.518
Số dư cuối tháng 05						
33	KC001/06	30/06	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		635.676.000
34	KC002/06	30/06	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		5.134
35	KC003/06	30/06	K.c giá vốn hàng bán	632	634.839.970	
36	KC004/06	30/06	K.c Chi phí tài chính	635	14.498.403	
37	KC005/06	30/06	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.229.900	
38	KC006/06	30/06	Kết chuyển lỗ tháng 06/2025	4212		43.887.139
Cộng phát sinh tháng 06					679.568.273	679.568.273
Số dư cuối tháng 06						
Cộng lũy kế từ đầu quý 2					970.985.082	970.985.082
39	KC001/07	31/07	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		181.968.778
40	KC002/07	31/07	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		4.250
41	KC003/07	31/07	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		138.395.700
42	KC004/07	31/07	K.c giá vốn hàng bán	632	170.243.845	
43	KC005/07	31/07	K.c Chi phí tài chính	635	14.667.007	
44	KC006/07	31/07	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.167.227	
45	KC007/07	31/07	Kết chuyển lãi tháng 07/2025	4212	105.290.649	
Cộng phát sinh tháng 07					320.368.728	320.368.728
Số dư cuối tháng 07						
46	KC001/08	31/08	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		92.601.000
47	KC002/08	31/08	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		1.783
48	KC003/08	31/08	K.c giá vốn hàng bán	632	92.615.406	
49	KC004/08	31/08	K.c Chi phí tài chính	635	11.206.628	
50	KC005/08	31/08	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.298.227	
51	KC006/08	31/08	Kết chuyển lỗ tháng 08/2025	4212		41.517.478
Cộng phát sinh tháng 08					134.120.261	134.120.261
Số dư cuối tháng 08						
52	KC001/09	30/09	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		1.127.516.000
53	KC002/09	30/09	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		4.427

54	KC003/09	30/09	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		167.357.900
55	KC004/09	30/09	K.c giá vốn hàng bán	632	1.120.928.544	
56	KC005/09	30/09	K.c Chi phí tài chính	635	11.331.694	
57	KC006/09	30/09	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	30.521.863	
58	KC007/09	30/09	Kết chuyển lãi tháng 09/2025	4212	132.096.226	
Cộng phát sinh tháng 09					1.294.878.327	1.294.878.327
Số dư cuối tháng 09						
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					1.749.367.316	1.749.367.316
59	KC001/10	31/10	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		1.313.531.793
60	KC002/10	31/10	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		7.198
61	KC003/10	31/10	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		125.850.480
62	KC004/10	31/10	K.c giá vốn hàng bán	632	1.264.945.349	
63	KC005/10	31/10	K.c Chi phí tài chính	635	11.934.245	
64	KC006/10	31/10	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	71.913.227	
65	KC007/10	31/10	Kết chuyển lãi tháng 10/2025	4212	90.596.650	
Cộng phát sinh tháng 10					1.439.389.471	1.439.389.471
Số dư cuối tháng 10						
66	KC001/11	30/11	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		35.400.000
67	KC002/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		7.323
68	KC003/11	30/11	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	711		5.129.600
69	KC004/11	30/11	K.c giá vốn hàng bán	632	35.272.700	
70	KC005/11	30/11	K.c Chi phí tài chính	635	11.397.244	
71	KC006/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	71.953.227	
72	KC007/11	30/11	Kết chuyển lỗ tháng 11/2025	4212		78.086.248
Cộng phát sinh tháng 11					118.623.171	118.623.171
Số dư cuối tháng 11						
73	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		1.996.989.148
74	KC002/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	1.988.008.315	
75	KC003/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	635	12.852.152	
76	KC004/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	72.155.147	
77	KC005/12	31/12	Kết chuyển lỗ tháng 12/2025	4212		76.026.466
Cộng phát sinh tháng 12					2.073.015.614	2.073.015.614
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					3.631.028.256	3.631.028.256
Cộng lũy kế từ đầu năm					6.836.241.159	6.836.241.159
Số dư cuối kỳ				x		

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.28: Sổ cái TK 911 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHỤ LỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỞNG GIA THỊNH

[03] Mã số thuế: 0401846939

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.847.826.764	4.031.700.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		5.847.826.764	4.031.700.018
4. Giá vốn hàng bán	11		5.771.188.234	4.012.433.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.638.530	19.266.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		44.059	11.648
7. Chi phí tài chính	22		161.141.262	23.263.897
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		161.141.262	23.263.897
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		507.422.884	810.105.706
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(591.881.557)	(814.091.314)
10. Thu nhập khác	31		571.706.380	842.494.655
11. Chi phí khác	32		0	928.898
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		571.706.380	841.565.757
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(20.175.177)	27.474.443
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(20.175.177)	27.474.443

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
TRƯƠNG HỮU TRUNG



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỞNG GIA THỊNH.

Hình 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Dưới đây là trích yếu xem sổ nhật ký chung

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TRƯỜNG GIA THỊNH**

**Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành
phố Đà Nẵng**

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...	...	...	...	...	...	...
2563	CG003/10	06/10/25	Lãi tiền vay NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG	635	289.315	
2564	CG003/10	06/10/25	Lãi tiền vay NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG	1121		289.315
...	...	...	...	...	...	...
2585	TM006/10	08/10/25	Doanh thu bán hàng hoá Đoàn Ngọc Thọ	1111	3.270.000	
2586	TM006/10	08/10/25	Doanh thu bán hàng hoá Đoàn Ngọc Thọ	5111		3.270.000
2587	TM006/10	08/10/25	Thuế GTGT đầu ra Đoàn Ngọc Thọ	1111	261.600	
2588	TM006/10	08/10/25	Thuế GTGT đầu ra Đoàn Ngọc Thọ	33311		261.600
...	...	...	...	...	...	
2591	XH1002/10	08/10/25	Xuất bán sơn - HD: 31 Đoàn Ngọc Thọ	632	3.265.234	
2592	XH1002/10	08/10/25	Xuất bán sơn - HD: 31 Đoàn Ngọc Thọ	156		3.265.234
...	...	...	...	...	...	...
2631	TH001/10	10/10/25	Chiết khấu Quý 3/2025 theo doanh số bán hàng từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm) Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	331	56.197.200	
2632	TH001/10	10/10/25	Chiết khấu Quý 3/2025 theo doanh số bán hàng từ	711		56.197.200

			01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm) Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam			
2633	TH001/10	10/10/25	Chiết khấu quý 3/2025 Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	331	4.495.776	
2634	TH001/10	10/10/25	Chiết khấu quý 3/2025 Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam	1331		4.495.776
2635	TH002/10	10/10/25	Chiết khấu chương trình đổi tác tin cây Q3/2025 (Ref: SLS/057/2025) theo doanh số bán hàng từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm) CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM	331	49.137.900	
2636	TH002/10	10/10/25	Chiết khấu chương trình đổi tác tin cây Q3/2025 (Ref: SLS/057/2025) theo doanh số bán hàng từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 (Điều chỉnh giảm) CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM	711		49.137.900
2637	TH002/10	10/10/25	Chiết khấu chương trình đổi tác tin cây Q3/2025 CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM	331	3.931.032	
2638	TH002/10	10/10/25	Chiết khấu chương trình đổi tác tin cây Q3/2025 CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM	1331		3.931.032
...	...	...	...	...	...	...
2651	XH1007/10	11/10/25	Xuất bán sơn - HD: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	131	220.937.000	
2652	XH1007/10	11/10/25	Xuất bán sơn - HD: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	5111		220.937.000
2653	XH1007/10	11/10/25	Thuế GTGT Xuất bán sơn - HD: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	131	17.674.960	
2654	XH1007/10	11/10/25	Thuế GTGT Xuất bán sơn - HD: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	33311		17.674.960

2655	XH1007/10	11/10/25	Xuất bản son - HĐ: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	632	220.631.175	
2656	XH1007/10	11/10/25	Xuất bản son - HĐ: 37- Cường Hoa CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	156		220.631.175
...	...	...	...	...	...	...
2769	TG007/10	31/10/25	Lãi TGNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG	1121	7.198	
2770	TG007/10	31/10/25	Lãi TGNH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ NẴNG	515		7.198
...	...	...	...	...	...	...
2945	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	6422	9.887.500	
2946	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	3383		9.887.500
2947	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	6422	1.695.000	
2948	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	3384		1.695.000
2949	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	6422	565.000	
2950	TH005/11	30/11/25	Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	3385		565.000
2951	TH008/11	30/11/25	Hạch toán chi phí lương Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	6422	59.400.000	

2952	TH008/11	30/11/25	Hạch toán chi phí lương Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	334		59.400.000
...	...	...	...	...	...	...
2961	CM003/11	30/11/25	Chi lương nhân viên công ty Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	334	53.467.500	
2962	CM003/11	30/11/25	Chi lương nhân viên công ty Kế Toán Công Ty TNHH Thương Mại & Dv Trương Gia Thịnh	1111		53.467.500
2963	CM004/11	30/11/25	Cước Internet FPT hđ 4708020 CN Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	6422	272.727	
2964	CM004/11	30/11/25	Cước Internet FPT hđ 4708020 CN Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	1111		272.727
2965	CM004/11	30/11/25	Cước Internet FPT hđ 4708020 CN Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	1331	27.273	
2966	CM004/11	30/11/25	Cước Internet FPT hđ 4708020 CN Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	1111		27.273
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng số phát sinh		59.682.255.542	59.682.255.542

Ngày mở sổ: 01/01/2025

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.30: Trích sổ nhật ký chung năm 2025

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

3.1 Đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Gia Thịnh

Qua thời gian nghiên cứu thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Gia Thịnh, được sự giúp đỡ của các anh chị trong công ty, em nhận thấy về công tác kế toán và hệ thống sổ sách của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Gia Thịnh tương đối hoàn chỉnh, bộ máy kế toán được bố trí hợp lý, đội ngũ nhân viên đều có trình độ, có năng lực. Các phòng làm việc luôn tập trung cao độ, phân công công việc rõ ràng, có tinh thần trách nhiệm cao.

3.1.1 Ưu điểm

- *Về chứng từ sử dụng:*

+ Công ty sử dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT – BTC hoàn toàn phù hợp với quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp bộ máy kế toán vận hành tinh gọn, hiệu quả.

+ Chứng từ kế toán: Công ty đã thực hiện tốt việc lập và sử dụng chứng từ kế toán. Các chứng từ được lập đầy đủ, chính xác và phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc quản lý chứng từ hiệu quả đã giúp công ty cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời và chính xác cho việc hạch toán và quản lý tài chính. Bên cạnh đó, công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt việc xuất hóa đơn đúng thời điểm theo quy định.

- *Sổ kế toán và hình thức ghi sổ:* Công ty áp dụng hình thức ghi sổ “Nhật ký chung”, hình thức này phù hợp với đặc điểm kinh doanh bán hàng và bộ máy kế toán của công ty.

- *Phần mềm kế toán:* Việc sử dụng phần mềm kế toán VIETDA ACCOUNTING đã giúp cho công ty giảm thiểu được thời gian, chi phí, nhân công của công ty. Việc ứng dụng công nghệ vào quá trình kinh doanh giúp cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty được nhập liệu nhanh chóng, cung cấp các số liệu chính xác cho lãnh đạo của công ty. Kế toán chỉ cần nhập liệu chính xác các thông tin trên chứng từ, PMKT sẽ tự động cập nhật lên các sổ kế toán có liên quan và lập Báo cáo tài chính chính xác nhất, từ đó có thể tránh được những sai sót, đảm bảo sự chính xác cao nhất.

- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

+ Việc ghi nhận doanh thu tại Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng. Mọi nghiệp vụ bán hàng đều được hạch toán ngay khi hàng xuất kho và khách hàng chấp nhận thanh toán, đảm bảo tuân thủ đúng quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu trong kế toán thương mại. Quy trình này giúp phản ánh chính xác quy mô hoạt động kinh doanh và đảm bảo tính trung thực, kịp thời của thông tin tài chính.

Hệ thống chứng từ và hồ sơ lưu trữ doanh thu được tập hợp đầy đủ và khoa học cho từng đơn hàng. Mỗi nghiệp vụ bán ra đều kèm theo bộ hồ sơ hoàn chỉnh bao gồm: Phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa và hóa đơn GTGT. Việc lưu trữ bài bản này không chỉ đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp trong việc ghi nhận doanh thu mà còn phục vụ đắc lực cho công tác đối soát công nợ khách hàng, kiểm tra kho bãi và thực hiện nghĩa vụ quyết toán thuế với cơ quan nhà nước.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý, nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Tuân thủ và thực hiện đúng quy định theo Thông tư 133/2016/TT – BTC về quy trình kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ. Sổ sách kế toán được lập chi tiết như sổ TK 911, TK 511, TK 632, TK 642,... và tiến hành lập báo cáo tài chính đúng kỳ .

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm nói trên thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty còn tồn tại một số hạn chế sau:

+ Qua quá trình rà soát hệ thống chứng từ đối với mảng bán hàng công nợ, tôi nhận thấy ký hiệu giữa chứng từ Doanh thu bán hàng và Giá vốn hàng bán hiện đang được đặt trùng nhau. Khi trả cứu mã hàng XH1007/10, không biết đó là tiền khách hàng nợ (Doanh thu bán hàng) hay hàng lấy từ kho (Giá vốn hàng bán).

+ Công ty hạch toán chiết khấu thương mại theo doanh số nhận được theo tháng, quý, năm vào tài khoản 711 nhằm ghi nhận thu nhập khác, nhưng điều này gây ra nhược điểm làm biến dạng hoàn toàn chỉ số giá vốn, lợi nhuận gộp và che lấp hiệu quả thực tế của hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp.

- Giá vốn sẽ bị ghi nhận theo giá mua chưa chiết khấu (giá cao) => Giá vốn hàng bán bị thổi phồng, không phản ánh đúng chi phí thực tế của hàng hóa đã xuất bán.

- Do giá vốn quá cao, lợi nhuận gộp bị giảm xuống => Điều này sẽ làm sai lệch chỉ số lợi nhuận gộp (khiến số liệu kinh doanh cốt lõi trong kém hiệu quả).
- + Trong quá trình kết chuyển sổ TK 711 sang TK 911, đang hiển thị sai nội dung thành “Kết chuyển doanh thu nghiệp vụ tài chính” việc này không làm thay đổi số dư cuối kỳ nhưng dễ gây nhầm lẫn cho người đọc báo cáo và các bên kiểm tra khi đối chiếu giữa sổ cái và bản chất nghiệp vụ.
- + Công ty đang hạch toán toàn bộ chi phí lương vào tài khoản 6422 – Chi phí quản lý kinh doanh gồm cả lương nhân viên bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý.
- + Một số chi phí phát sinh chỉ đứng tên cá nhân của chủ Công ty tự bỏ ra và không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, không đưa vào chi phí của Công ty (điện, nước, tiền thuê văn phòng) dẫn đến việc chi phí phản ánh không đầy đủ ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả kinh doanh của Công ty.

3.2 Một số ý kiến hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty, em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- + Công ty cần thay đổi cách đặt ký hiệu chứng từ để phân biệt rõ ràng bằng chất nghiệp vụ

Đặt mã riêng biệt:

Đối với doanh thu bán hàng/Công nợ: Đặt là HDBH,... (Hoá đơn bán hàng).

Giá vốn hàng bán/Kho: Đặt là P XK,... (Phiếu xuất kho).

Liên kết chứng từ: Trên phiếu xuất kho phải có dòng xuất cho hoá đơn số..., và trên Hoá đơn phải ghi kèm theo phiếu xuất kho số...

- + Công ty nên hạch toán khoản chiết khấu thương mại theo doanh số nhận được theo tháng, quý, năm vào tài khoản 156 (nếu hàng còn trong kho) hoặc tài khoản 632 (nếu hàng trong kho đã bán hết) .

- Trường hợp 1: Hàng vẫn còn trong kho

Bút toán đề xuất: Nợ TK 111, 112, 331: Nhận lại tiền hoặc giảm trừ công nợ

Có TK 156: Giảm giá trị hàng hoá tồn kho

Có TK 1331: Giảm số thuế GTGT được khấu trừ

- Trường hợp 2: Hàng đã bán một nửa (50% tồn, 50% bán)

Bút toán đề xuất: Nợ TK 111, 112, 331: Nhận lại tiền hoặc giảm trừ công nợ

Có TK 156: Giảm giá trị hàng hoá tồn kho

Có TK 632: Giảm giá vốn hàng bán

Có TK 1331: Giảm số thuế GTGT được khấu trừ

+ Để đảm bảo về tính chính xác và chuyên nghiệp của hồ sơ kế toán, kế toán tiền hàng điều chỉnh lại các tham số trong danh mục khai báo kết chuyển tự động, nhập lại nội dung kết chuyển đúng với TK 711 “Kết chuyển thu nhập khác”.

+ Về tài khoản chi phí 642 – Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng (TK 6421) và chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 6422). Bộ phận kế toán nên tách biệt rõ ràng chi phí cho từng bộ, cụ thể:

Lương bộ phận nhân viên bán hàng công ty nên hạch toán vào tài khoản 6421- Chi phí bán hàng:

Nợ TK 6421: 14.600.000

Có TK 334: 14.600.000

Lương bộ phận nhân viên văn phòng công ty nên hạch toán vào tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 6422: 44.800.000

Có TK 334: 44.800.000

+ Việc để cá nhân tự chi trả các chi phí (điện, nước, tiền thuê văn phòng) là không hợp lý. Làm ảnh hưởng sai lệch kết quả kinh doanh, lợi nhuận trên sổ sách sẽ cao hơn thực tế vì thiếu đi một khoản chi phí vận hành lớn.

Thay vì để cá nhân tự trả, Công ty nên chuyển các khoản này thành chi phí của Công ty sẽ giúp Công ty giảm được 20% thuế TNDN trên tổng tiền điện, nước, tiền thuê văn phòng, báo cáo tài chính sẽ minh bạch và chính xác hơn.

Chứng từ Công ty sẽ bao gồm như: Hợp đồng thuê văn phòng, hoá đơn tiền điện, nước, phiếu chi hoặc giấy báo nợ.

Bút toán hạch toán: Nợ TK 6422: Tổng số tiền trên hoá đơn

Nợ TK 1331: Tiền thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111/112: Số tiền thực tế Công ty chi trả

KẾT LUẬN

Sau khoảng thời gian được thực tập tại phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh đã giúp em tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có cơ hội tiếp xúc với chứng từ, sổ sách kế toán và được tìm hiểu sâu hơn về quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty. Em nhận thấy công tác kế toán ở công ty được tổ chức chặt chẽ, tuân thủ theo các quy định của Bộ tài chính. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán khoa học, logic, dễ dàng tìm kiếm, kiểm tra. Thông tin trên chứng từ được hạch toán lên PMKT rõ ràng, đầy đủ, chính xác, cung cấp dữ liệu kịp thời cho giám đốc và cho mỗi lần quyết toán. Bên cạnh những điểm tích cực thì công ty cũng còn nhiều khuyết điểm cần phải giải quyết.

Dựa trên cơ sở những kiến thức đã học và tình hình thực tế tại đơn vị, em đã đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức bộ máy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Do còn nhiều hạn chế về chuyên môn và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên không thể tránh khỏi những sai sót có thể xảy ra, em rất mong quý thầy cô đưa ra những góp ý để bài báo cáo trở nên hoàn thiện hơn, để có thể vận dụng những kiến nghị của chuyên đề này vào thực tế tại công ty, để em được khẳng định hơn nữa những kiến thức của mình về phần hành kế toán hiện nay.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn anh chị phòng kế toán trong công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh, và cô Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã giúp em hoàn thành chuyên đề này!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình kế toán doanh nghiệp Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng.
- Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.
- Sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trương Gia Thịnh.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Đăng nhập chương trình (Login), Giao diện phần mềm Việt Đà

Đăng nhập chương trình (Login)

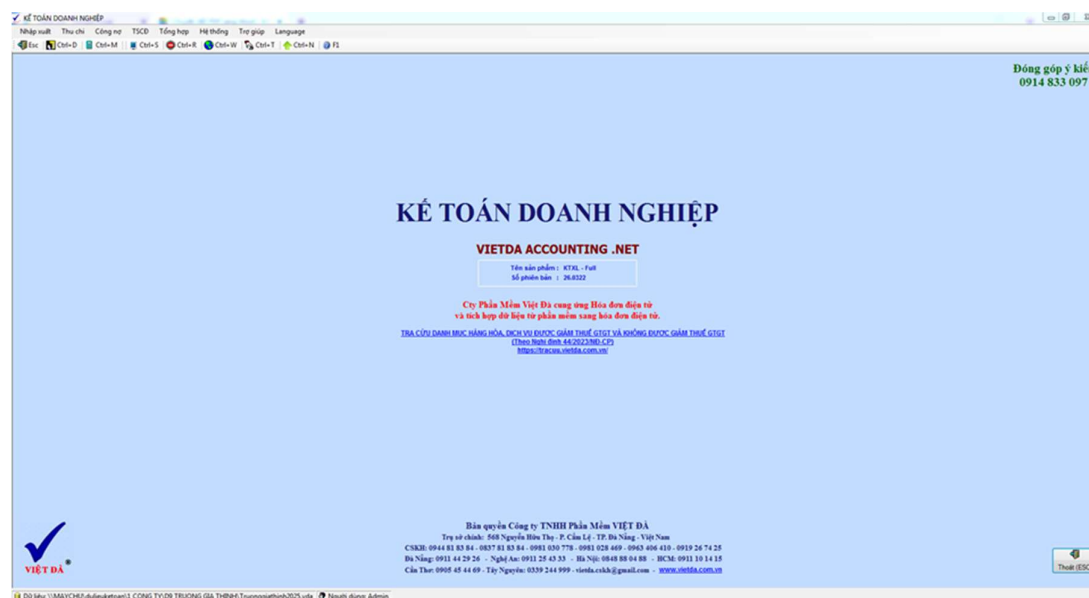
**PHẦN MỀM VIỆT ĐÀ**
VIETDA ACCOUNTING
Số phiên bản: 26.0322

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở chính: 568 Nguyễn Hữu Thọ - P. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778 - 0981 028 469 - 0963 406 410 - 0919 26 74 25
Đà Nẵng: 0911 44 29 26 - Nghệ An: 0911 25 43 33 - Hà Nội: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 15
Cần Thơ: 0905 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietda.cskh@gmail.com - www.vietda.com.vn

Dữ liệu (Database) ...

Người dùng (UserName) Quản trị hệ thống

Mật khẩu (Password)



PHỤ LỤC 2: Biên bản giao nhận hàng hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

- Căn cứ vào số lượng thực tế.

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2025 chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHÚ NINH

Đại diện : ĐOÀN NGỌC THỌ

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 4001216915

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DV TRƯƠNG GIA THỊNH

Đại diện : TRƯƠNG HỮU TRUNG

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản : 113002690473 Tại Ngân Hàng Công Thương – chi nhánh Đà Nẵng

Mã số thuế : 0401846939

Hai bên cùng tiến hành giao nhận hàng hóa với quy cách, số lượng như sau:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Sơn Jotaplast Base A 4.5L	Thùng	5	233.000	1.165.000	
2	Sơn Watguard xám đậm 5511 20Kg	Thùng	1	2.105.000	2.093.000	

Bên mua xác nhận bên bán đã giao cho bên mua đúng chủng loại và số lượng như trên.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán.

BÊN MUA

BÊN BÁN

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Trương Hữu Trung

PHỤ LỤC 3: Minh họa phần mềm xuất hóa đơn.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

Mã số thuế: 0401848939

Địa chỉ: K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1 - C25MGT

Số: 51

Ngày lập * 05/01/2026

Mã số thuế4001216915

Tên người muaĐoàn Ngọc Thọ

E-mail

Tên đơn vịCÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHÚ NINH

Số điện thoại

Địa chỉ*Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CCCD/Hộ chiếu

Phương thức TTTiền mặt/Chuyển khoản

TK người bán113002690473

Ngân hàng

Tiền tệVND - Việt Nam Đồng

TK người mua

Ngân hàng

Ghi chú

Mã QHNS

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

Xuất fileNhập file

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1		Hàng hóa	Sơn Jotaplast Base A 4.5L	Thùng	5	233.000	1.165.000	8%	93.200
2		Hàng hóa	Sơn Waterguard xám đậm 5511 20Kg	Thùng	1	2.105.000	2.105.000	8%	168.400

Tổng cộng: 2

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng3.270.000

Tổng tiền trước thuế 8%3.270.000

8%261.600

Tổng tiền thuế261.600

Tổng tiền thanh toán3.531.600

Ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhap xuất | Thu chi | Công nợ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | English

Cài đặt | Cài đặt | Con-T | Con-N | F1

Hóa đơn bán và phiếu xuất kho ▶	Xuất bán hàng
Hóa đơn Nhập-Xuất thông qua kho ▶	Xuất bán NXS
Phiếu nhập kho ▶	
Phiếu xuất kho ▶	
Phiếu chuyển kho ▶	
Phiếu nhập hàng bán bị trả lại ▶	
Phiếu xuất trả nhà cung cấp ▶	
Hóa đơn, chứng từ dịch vụ mua vào ▶	
Hàng khuyến mãi, báo lễ ▶	
Báo giá, đơn hàng ▶	
Tìm kiếm chứng từ ▶	
In hóa đơn cho nhiều phiếu ▶	
Bảo cáo hàng hóa ▶	
Báo cáo doanh thu ▶	
Báo cáo bán ủy bình ▶	
Kiểm kê tồn kho ▶	

Đóng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VietDA ACCOUNTING .NET

 Tên sản phẩm : KTEL - Full
 Mã phiên bản : 2k.0322

Cty Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử và tích hợp dữ liệu tự động miễn thuế hóa đơn điện tử.

TRÁ CỨU DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢM THẾ GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THẾ GTGT (Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP)
<https://tracuu.vietda.com.vn/>

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT DA
 Trụ sở chính: 568 Nguyễn Hữu Thọ - P. Cầu Lộ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
CSKH: 0944.81.83.84 - 0837.81.83.84 - 0981.030.778 - 0981.028.469 - 0963.406.430 - 0919.26.74.25
 Đà Nẵng: 0911.44.29.26 - Ngã Hai: 0911.25.45.33 - Đà Nẵng: 0848.88.84.88 - HCM: 0911.10.14.15
 Cần Thơ: 0965.45.44.69 - Tây Nguyên: 0339.244.999 - vietda.csk@gmail.com - www.vietda.com.vn

PL-4

PHỤ LỤC 5: Minh họa phần mềm xuất hóa đơn.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH

Mã số thuế: 0401846939

Địa chỉ: K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1 - C25MGT

Số: 51

Ngày lập * 05/01/2026

Mã số thuế4001216915

Tên người muaĐoàn Ngọc Thọ

E-mail

Email

Tên đơn vịCÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHÚ NINH

Số điện thoại

Số điện thoại

Địa chỉ *Thôn 4, Xã Chiên Đàn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CCCD/Hộ chiếu

Phương thức TTTiền mặt/Chuyển khoản

TK người bán113002690473

Ngân hàng

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Tiền tệVND - Việt Nam Đồng

TK người mua

Tài khoản người mua

Ngân hàng

Ghi chú

Mã QHNS

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

Xuất file

Nhập file

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	
1	☐	Hàng hóa	Son Jotaplast Base A 4.5L	Thùng	5	233.000	1.165.000	8%	93.200	
2	☐	Hàng hóa	Son Waterguard xám đậm 5511 20Kg	Thùng	1	2.105.000	2.105.000	8%	168.400	

Tổng cộng: 2

1

15

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng3.270.000

Tổng tiền trước thuế 8%3.270.000

8%

Tổng tiền thuế261.600

Tổng tiền thanh toán3.531.600

Ba triệu năm trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng

PL-5

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

- Nhập xuất > Thu chi > Công nợ > Tổng hợp > Hệ thống > Trợ giúp > Language
- Hóa đơn mua và phiếu nhập kho >
- Hóa đơn bán và phiếu xuất kho >
 - Xuất bán hàng
 - Xuất bán NVL
- Hóa đơn nhập-xuất không qua kho >
- Phiếu nhập kho >
- Phiếu xuất kho >
- Phiếu chuyển kho >
- Phiếu nhập hàng bên bị trả lại >
- Phiếu xuất trả nhà cung cấp >
- Hóa đơn, chứng từ dịch vụ mua vào >
- Hóa đơn, chứng từ cung ứng dịch vụ >
- Hàng thuyêt miễn, hao tai >
- Báo giá, đơn hàng >
- Tìm kiếm chứng từ
- Điều hòa đơn cho nhiều phiếu
- Báo cáo hàng hóa
- Báo cáo doanh thu
- Báo cáo báo kỏ kinh
- Kiểm kê tồn kho

**Đóng góp ý kiến
0914 833 097**

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm : KTDL - Full
 Số phiên bản : 26.0327

Cty Phần Mềm Việt Đă cung ứng Hóa đơn điện tử
và tích hợp dữ liệu từ phần mềm sang hóa đơn điện tử.

TRẠI CỬU DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢNH THỰC GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢNH THỰC GTGT
(Theo Nghị định 44/2010/NĐ-CP)
<https://tracuu.vietda.com.vn/>

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐĂ
 Trụ sở chính: 568 Nguyễn Huệ Thủ - P. Cầu Lữ - TP Đà Nẵng - Việt Nam
 CSKH: 0944.81.83.84 - 0837.81.83.84 - 0981.030.778 - 0981.028.469 - 0963.406.410 - 0919.26.74.25
 Bà Nàng: 0911.44.29.26 - Nghệ An: 0911.28.43.33 - Hà Nội: 0848.88.04.88 - HCM: 0911.10.14.15
 Cửa Thư: 0968.45.44.69 - Tây Nguyên: 0329.244.899 - vietda.cskh@gmail.com - www.vietda.com.vn

VIỆT ĐĂ®

Thư (ESC)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Hàng tháng Trợ giúp Language

Esc Ctrl-D Ctrl-M Ctrl-S Ctrl-R Ctrl-W Ctrl-N F1

XH1002010

Chứng từ

Số CT XH1002/10	Ngày 11/10/2025	Có giá trị	Mô tả
E6 Lương	CUONGHOAI	TỔ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CƯỜNG HOA	Lý do
Bên chi	Số 565 Đường 23 Phường Hòa Xuân, Quận Ngũ Hành Sơn	P. Tân Yên	Xuất bản lần - HĐ: 37 Cường Hoa
EC ghi hàng	Ngày ghi 18/10/2025	Mức ghi	Lưu tiền VNĐ Tỷ giá 1

[?] Hủy đơn

Ngày 11/10/2025	Mã hóa đơn C29WZT	Số hóa đơn 220.937.000	Loại thuế 1 Chai khác	Đơn vị CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MỸ THUẬT CC	Mã hàng Tân CK	Đơn hàng Phường Thúc TT	Đơn vị Vũ việc
Tiền thuế 17.674.960	Chi phí 131	Chi số 33311	Ghi chú	Hình thức mua hàng	Chọn thuế	Chọn thuế	Chọn thuế

☐ Hiển thị thuế suất và tổng mức hàng

☐ Danh sách hàng hóa, dịch vụ của Nhân

☐ Lĩnh vực

☐ Copy Thuế

Mã hàng	Tên hàng hóa - viết tắt	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền hàng	TK Nợ	TK Có	XCK	Tân CK	Hệ CK	Cổ CK	ĐG VN	Tiền VN	Mt GV	Cổ GV	Gia đình danh	Tiền VND	Tổng tiền	Số hóa đơn	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn vị
TCDB445	Sơn Tough shield base A 4.5L	Thùng	200,00	388,000	77.600,000	77.600,000	131	5111	0	0	0	0	388.889	77.997.800	632	156		6.208.000	83.808.000	37			
TCDB445	Sơn tough shield max base A 4.5L	Thùng	200,00	759,000	151.800,000	151.800,000	131	5111	0	0	0	0	758.810	151.796,200	632	156		1.214,400	16.394,400	37			
WATXDN	Sơn Waterproof sơn đen 5011 6kg	Thùng	16,00	682,000	10.912,000	10.912,000	131	5111	0	0	0	0	681,440	10.903,036	632	156		872,960	11.784,960	37			
WATXDN	Sơn Waterproof sơn nhẹ B&O 20kg	Thùng	200,00	2.136,000	42.720,000	42.720,000	131	5111	0	0	0	0	2.136,252	42.764,660	632	156		3,417,000	46.179,660	37			
TSE1615	Tough shield base A 16.1L	Thùng	40,00	1.362,000	54.480,000	54.480,000	131	5111	0	0	0	0	1.360,551	54.423,480	632	156		4.038,400	54.518,400	37			
TCDB1616	Tough shield max base A 16.1L	Thùng	15,00	1.603,000	24.045,000	24.045,000	131	5111	0	0	0	0	1.601.804	24.027,600	632	156		1.923,000	25.960,600	37			

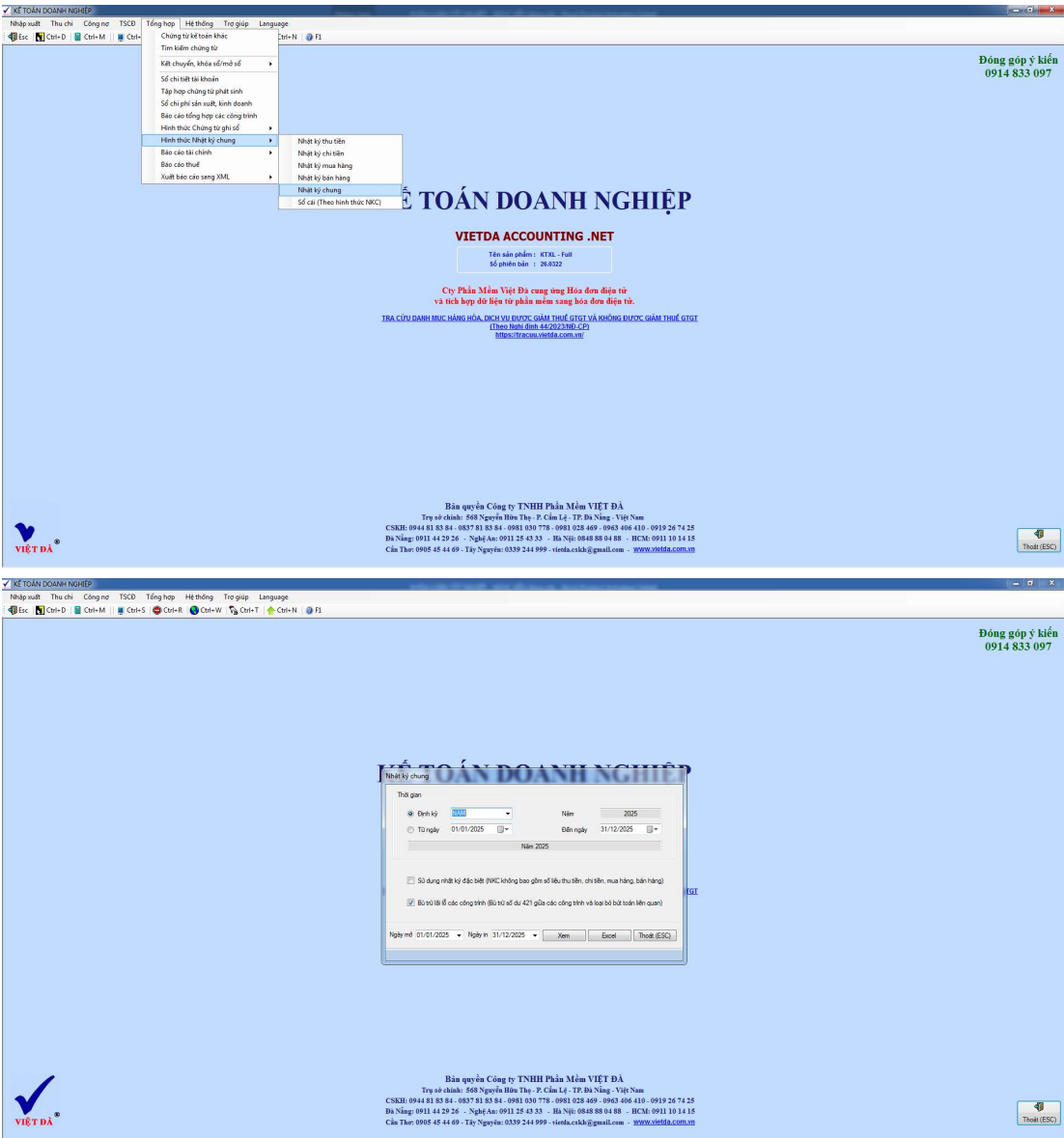
#7

Tổng chung là 220.937.000 Thanh toán 0 In biên bản [?] Xem trước khi in

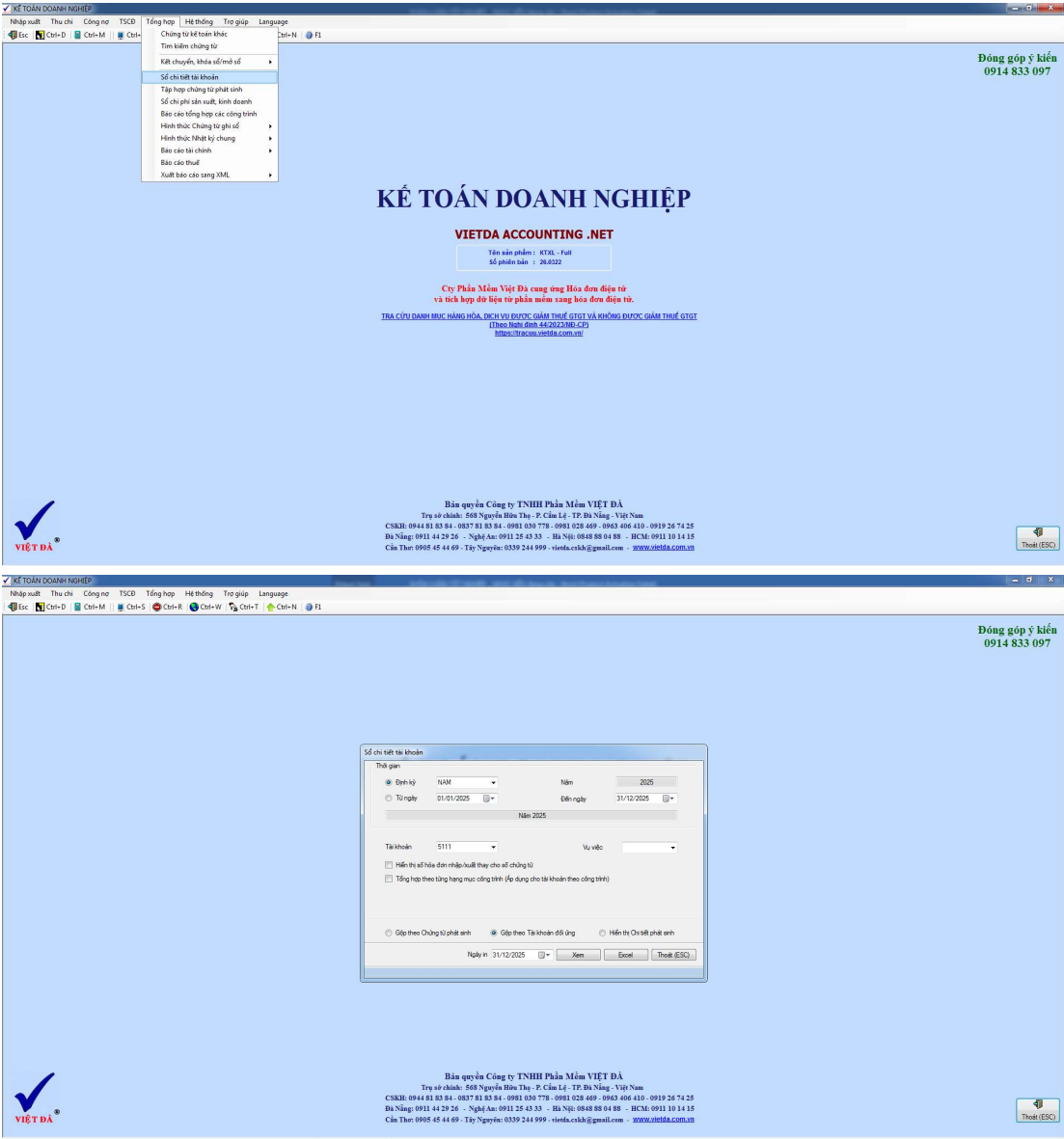
Tổng hóa đơn 238.611.960 Đơn m 238.611.960 Xem công nợ hiện hành

Thêm file Excel Thêm hàng hóa Excel Mã Excel Lưu Thêm Sửa In phiếu Thu liên Chi phí Nhận tiền Trả lời

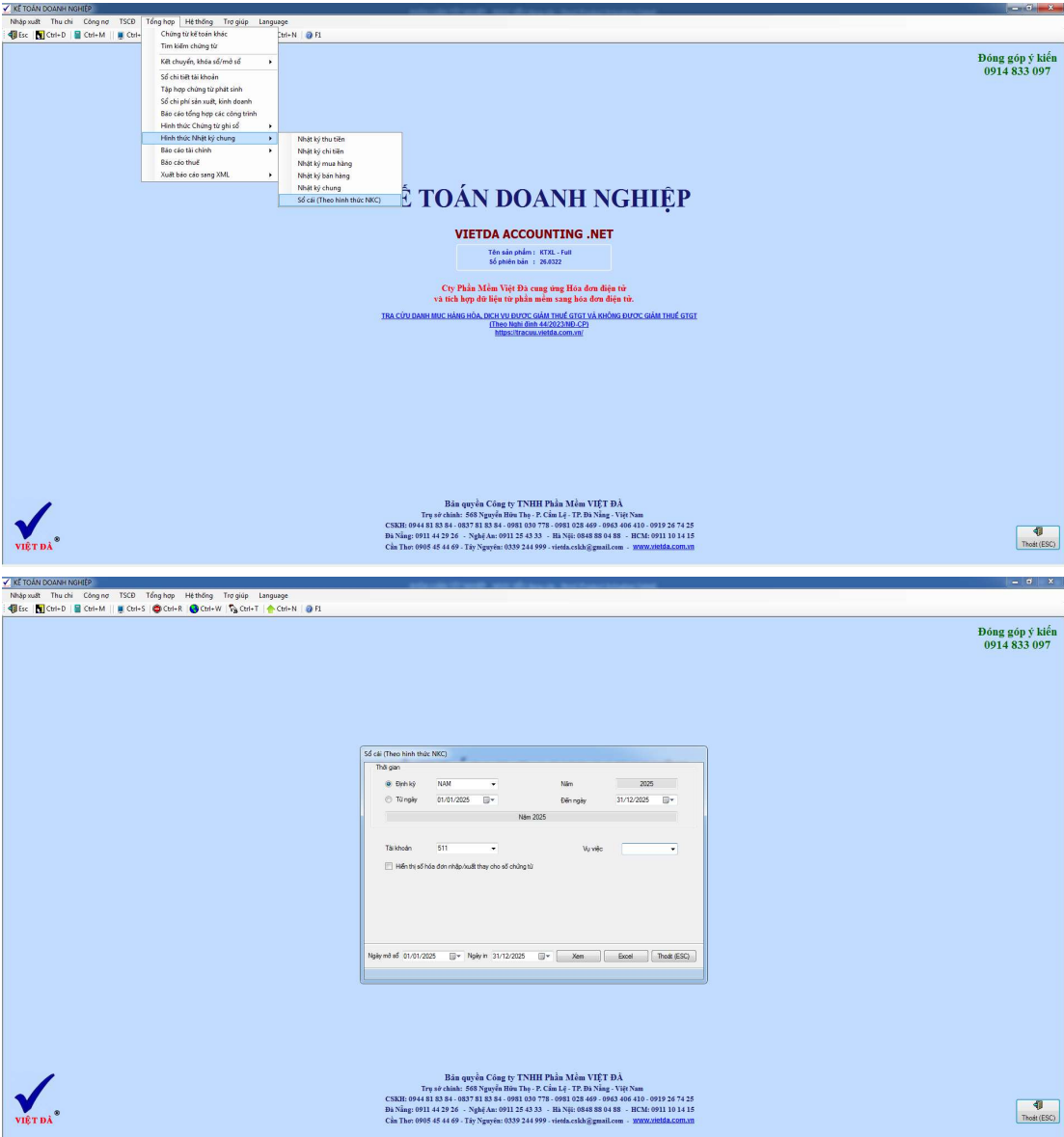
PHỤ LỤC 7: Giao diện phần mềm xuất sổ nhật ký chung



PHỤ LỤC 8: Giao diện phần mềm xuất sổ chi tiết



PHỤ LỤC 9: Giao diện phần mềm xuất sổ Cái



PHỤ LỤC 10: Nhập giấy báo có vào phần mềm

✓ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất: Thu chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

Esc | Ctrl-D | Ctrl-M | Ctrl-S | Ctrl-R | Ctrl-W | Ctrl-T | Ctrl-N | F1

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Phiếu thu tiền gửi (Bảo có)

Phiếu chi tiền gửi (Bảo nợ)

Chứng từ hoàn ứng

Tìm kiếm chứng từ

Sổ quỹ tiền mặt

Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Sổ tiền gửi ngân hàng

Sổ tổng hợp tiền vay

Giấy thanh toán tạm ứng

Đóng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm : KTXL - Full
Số phiên bản : 26.0322

Cty Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và tích hợp dữ liệu từ phần mềm sang hóa đơn điện tử.

TRÁI CỜ DẠNH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT
(Điều hành kinh doanh theo CTĐ)

https://tracuu.vnietda.com.vn/

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở chính: 868 Nguyễn Hữu Thọ - P. Cầu Lộ - TP. Đà Nẵng - Việt Nam
CSKH: 0944 83 83 84 - 0937 83 83 84 - 0982 628 699 - 0943 616 610 - 0919 36 74 25
Đà Nẵng: 0911 44 29 26 - Nghệ An: 0911 28 43 33 - Hà Nội: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 15
Cần Thơ: 0908 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - tien-da.cskh@gmail.com - www.vnietda.com.vn

Thoát (ESC)

✓ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất: Thu chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

Esc | Ctrl-D | Ctrl-M | Ctrl-S | Ctrl-R | Ctrl-W | Ctrl-T | Ctrl-N | F1

TG007/10

Số CT: TG007/10 Ngày: 31/10/2025 Chứng từ gốc: Cửa hàng

Đề xuất: VIETINBANK NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Lý do: LA TGINH

Địa chỉ: 381 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Ngày hàng: SỔ TK: Tivi/TP

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ: Hạch toán chính sách tự giá

	Dẫn giá	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KNP	Tên KNP	Vu véc	Tên Vu véc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	LA suất(%)	Ký hiệu IB
#1	LA TGINH	7.198	1121	515								
#2												

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Tên chưa VAT	Tên thuế	TK Nợ	TK Có	Mã thuế	Đơn vị	Địa chỉ	MST/CC	Dẫn giá	Mã KNP	Tên KNP	Vu véc
#1																		

Tổng thanh toán: 7.198 Tổng hóa đơn: 7.198

Lưu Thêm Xóa In Thoát

PHỤ LỤC 11: Nhập hóa đơn GTGT vào phần mềm

✓ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất | Thu chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

Exc | Ctrl-D | Ctrl-M | Ctrl- | Ctrl-N | F1

Chương tài kế toán khác

Tài khoản chung từ

Kế chuyển, khóa sổ mở sổ

Sổ chi tài tài khoản

Tập hợp chứng từ phát sinh

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Báo cáo tổng hợp các công trình

Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức Nhật ký chung

Báo cáo tài chính

Báo cáo thuế

Xuất báo cáo sang XML

Đóng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm : KTXL - Full
Số phiên bản : 20.0241

Công Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và tích hợp dữ liệu từ phần mềm sang báo đơn điện tử.

TRÁ CỬU DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT
(Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP)
<https://tracuu.vietda.com.vn>

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ

Trụ sở chính: 41 Trần Văn Ôn - P. An Khê - TP. Bu Nhưỡng - Việt Nam
CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 83 83 84 - 0981 830 778 - 0981 828 449 - 0963 406 410 - 0919 26 74 28
Bu Nhưỡng: 0911 44 29 26 - Nghệ An: 0911 25 43 53 - Hà Nội: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 18
Cửa Thơ: 0905 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietda.vn@gmail.com - www.vietda.com.vn

✓ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất | Thu chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

Exc | Ctrl-D | Ctrl-M | Ctrl-S | Ctrl-R | Ctrl-W | Ctrl-T | Ctrl-N | F1

TH01/10

Số CT: TH01/10 Ngày: 10/10/2025 CT gốc: Cof hàng

Bố hàng: JOTUN TĐ Công ty TNHH Sơn Decor Việt Nam Lý do: Chết khấu quá 3/2025

Đến chi: Số 1, đường số 10 KCN Sông thần 1, Th xã DT An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Chức phát sinh

Điền giá

	Số tiền	TK hàng	Khách hàng	TK Cỏ	Khách Cỏ	Mã KMP	Tên KMP	Vũ việc	Tên Vũ việc	Đơn hàng
#1	Chết khấu Quý 3/2025 theo doanh số bán	56.197.200	331		711					
#2										

Thêm file XML

Cọc chứng từ

Thêm chi tiết từ Excel

Mẫu Excel

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vũ việc	Tên Vũ việc	Điền giá	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn hàng
#1	10/10/2025	1		C28TAD	9913	TH	8	8,0	56.197.200	4.495.776	331	1331					Chết khấu quá 3/2025	
#2																		

Tổng hợp toán: 60.692.976 Tổng hóa đơn: 60.692.976

Lưu

Thêm

Xóa

In

Thoát

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất | Thu chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

Phiếu thu tiền mặt
Phiếu chi tiền mặt
Phiếu chi tiền gửi (báo nợ)
Chứng từ hoàn ứng
Tạm kiểm chứng từ
Số quỹ tiền mặt
Số hệ toán chỉ bất kỳ quỹ tiền mặt
Số tiền gửi ngân hàng
Số tổng hợp tiền vay
Giấy thanh toán tạm ứng

Dòng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Tên sản phẩm : KTXL - Full
Số phiên bản : 26.0121

Cty Phần Mềm Việt Đã cung ứng Hóa đơn điện tử và tích hợp dữ liệu từ phần mềm sang hóa đơn điện tử.

TRA CỨU DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIÁM THƯỞNG GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THỪO GTGT
(Theo Nghị định 44/2022/NĐ-CP)
[https://tcteam.vn/mua.com.vn](#)

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở chính: 11 Trần Hưng Đạo - P. An Khê - TP. Đà Nẵng, Việt Nam
CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778 - 0981 028 469 - 0965 406 410 - 0919 26 74 25
Biệt Niệm: 0911 44 29 26 - Nghệ An: 0911 25 43 35 - Hà Nội: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 15
Chi Thư: 0908 45 44 89 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietna.csk@gmail.com - [www.vietna.com.vn](#)

VIỆT ĐÀ®

Thanh (BTC)

PL-12

PHỤ LỤC 13: Nhập liệu hạch toán lương nhân viên vào phần mềm

Phần mềm kế toán doanh nghiệp hiển thị giao diện nhập liệu hạch toán lương nhân viên. Giao diện bao gồm các trường nhập liệu như: Ngày, CT gốc, Cửa hàng, Lý do, Hạch toán chi phí lương, Loại tiền, Tỷ giá, và các nút chức năng như: Thêm từ file XML, Copy chứng từ, Thêm chi tiết từ Excel, Mẫu Excel.

Chức năng	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KXP	Tên KXP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Bản hàng
1	Hạch toán chi phí lương	59.400.000	6422		334						

Phần mềm cũng hiển thị các thông tin tổng hợp như: Tổng hạch toán, Tổng hóa đơn, và các nút chức năng như: Lưu, Thêm, Xóa, In, Thoát.

PHỤ LỤC 14: Phiếu chi số CM003/11

Đơn vị : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG GIA THỊNH**
Địa chỉ : **K221/23B Trường Chinh, Phường An Khê, Thành phố Đà Nẵng**
Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)
Số : CM003/11
Ngày 30 tháng 11 năm 2025
Số tiền : 53.467.500 đồng
Viết bằng chữ : Năm mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng y.
Kèm theo: chứng từ gốc.
Ngày 30 tháng 11 năm 2025

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Trương Hữu Trung
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Năm mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng y.
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :
+ Số tiền quy đổi :
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

PHỤ LỤC 15: Nhập liệu các khoản trích bảo hiểm theo quy định

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất: Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Tên tài khoản: TH05/11

Số CT: TH05/11 Ngày: 30/11/2025 CT gốc: Của hàng

Bổ sung: KETOAN Lý do: Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN

Địa chỉ: K221/236 Trường Chinh, Phường An Khê, TP Đà Nẵng Loại tiền: VND Tỷ giá: 1

Thêm từ file XML Copy chứng từ Thêm chi tiết từ Excel Mẫu Excel

Chi tiết phát sinh	Đến gốc	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KXP	Tên KXP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
1 Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN	5.807.500	6422			3383						
2 Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN	1.695.000	6422			3384						
3 Hạch toán BHXH, BHYT, BHTN	565.000	6422			3385						
4											

Thuế GTGT

Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Kỳ hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế xuất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KXP	Tên KXP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đến gốc	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn hàng
1																	

Tổng hạch toán: 12.147.500 Tổng hóa đơn: 0

Lưu Thêm Xóa In Thoát

PHỤ LỤC 16: Nhập hoá đơn GTGT vào phần mềm

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất: Thu chi Công nợ TSCĐ Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language

Esc Ctrl+D Ctrl+M Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Phân thu tiền mặt

Phân chi tiền mặt

Phân chi tiền gửi (bảo có)

Phân chi tiền gửi (bảo nợ)

Chứng từ hoàn ứng

Tìm kiếm chứng từ

Số quỹ tiền mặt

Số kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

Số tiền gửi ngân hàng

Số tổng hợp tiền vay

Giấy thanh toán tạm ứng

Đồng góp ý kiến
0914 833 097

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

VIETDA ACCOUNTING .NET

Tên sản phẩm: KTXL - Full
Số phiên bản: 20.0121

Cy Phần Mềm Việt Đà cung ứng Hóa đơn điện tử
và tích hợp dữ liệu từ phần mềm trong hóa đơn điện tử.

TRÁI CỘN DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT VÀ KHÔNG ĐƯỢC GIẢM THUẾ GTGT
(Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP)
<https://tracovn.vn/vietda.com.vn>

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở chính: 41 Trần Văn Ôn - P. An Khê - TP. Buôn Me - Việt Nam
CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 030 778 - 0981 028 469 - 0963 406 411 - 0919 26 74 25
Bu. Nang: 0911 44 29 26 - Ng. An: 0911 25 43 13 - Bu. Nui: 0948 88 66 88 - HCM: 0911 10 14 15
Cần Thơ: 0905 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietda.vn@gmail.com - www.vietda.com.vn

VIỆT ĐÀ

Thỏa (ESC)

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất | Thủ chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

File | Ctrl+D | Ctrl+M | Ctrl+S | Ctrl+R | Ctrl+W | Ctrl+T | Ctrl+N | F1

Tên tài khoản: CN04/11

Số CT: CN04/11 | Ngày: 30/11/2025 | Chứng từ gốc: | Cửa hàng: |

Đồ tương: FPT02 | TP: Chi Đa Nẵng - Công ty Cổ phần viễn thông FPT | Lý do: Quốc Internet FPT hd 4708020 | %

Địa chỉ: 152/154 đường 2/9/P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | Loại tiền: VND | Tỷ giá: 1

Chuyển theo chi

Chọn Chứng từ hàng hóa, dịch vụ | Hạch toán chênh lệch tỷ giá

Đặc gá	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đến hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%)	Kỳ tính lãi
#1 Quốc Internet FPT hd 4708020	272.727	9422	1111								
#2											

Thuật GIGT

Ngày HD	Mẫu HD	Ký hiệu	Số HD	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đồ tương	Đến vi	Địa chỉ	MST/CC	Đến gá	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc
#1 30/11/2025			4708020	TH	10	272.727	27.273	1331	1111	FPT02	Chi Đa Nẵng - Công ty Cổ P.	152/154 đường 2/9/P. Hòa	0101778163	Quốc Internet FPT hd 4708020			
#2																	

Tổng thanh toán: 300.000 | Tổng hóa đơn: 300.000

Lưu | Thêm | Xóa | In | Thoát

PHỤ LỤC 17: Giao diện phần mềm kết chuyển

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất | Thủ chi | Công nợ | TSCĐ | Tổng hợp | Hệ thống | Trợ giúp | Language

File | Ctrl+D | Ctrl+M | Ctrl+S | Ctrl+R | Ctrl+W | Ctrl+T | Ctrl+N | F1

Đóng góp ý kiến
0914 833 097

Thực hiện kết chuyển/mở sổ

Tháng: 01 | Năm: 2025

1. KẾT CHUYỂN VÀ KHÓA DỮ LIỆU:

- Tự động kết chuyển dữ liệu để xác định chi phí, doanh thu, lãi lỗ từng tháng.
- Kết chuyển số dư cuối tháng này sang đầu tháng kế tiếp.
- Đánh dấu vào ô Khóa dữ liệu sau khi kết chuyển để không cho phép chỉnh sửa dữ liệu từ tháng này trở về trước.

2. MỞ DỮ LIỆU:

- Chọn tháng có dữ liệu cần mở để cho phép thay đổi (Thêm mới, sửa, xóa chứng từ...) → Nhấn nút Mở dữ liệu.
- Sau khi chỉnh sửa dữ liệu xong, thực hiện Kết chuyển và khóa dữ liệu để đảm bảo số liệu báo cáo chính xác.

☐ Khóa dữ liệu sau khi kết chuyển ☒ Tự động kết chuyển khẩu trừ thuế GTGT (bản ra - mua vào)

Bản quyền Công ty TNHH Phần Mềm VIỆT ĐÀ
Trụ sở chính: 41 Trần Văn Ôn - P. An Khê - TP. Bu Nh - Việt Nam
CSKH: 0944 81 83 84 - 0837 81 83 84 - 0981 630 778 - 0981 678 669 - 0963 606 410 - 0919 26 74 26
Bu Nh: 0911 44 29 26 - Ngệ An: 0911 26 43 33 - Hà Nh: 0848 88 04 88 - HCM: 0911 10 14 16
Cần Thơ: 0905 45 44 69 - Tây Nguyên: 0339 244 999 - vietda.vn@gmail.com - www.vietda.com.vn

PHỤ LỤC 18: Giao diện phần mềm xuất BCKQHDKD

